

Pháp Bảo 86 - Phật Đản 2634, PL 2554

Phát hành ngày 20 tháng 5 năm 2010

148 – 154 Edensor Road, St.Johns Park, NSW 2176 – Australia

Tel: (02) 9610 5452 – Fax (02) 9823 8748 – Email: chuaphapbao@yahoo.com.au

Trong số này

- Lá thư Phật Đản	Ban Biên Tập	1
- Chương trình	Ban Tổ chức	2
- Thông bạch Phật Đản	HT Thích Như Huệ	3
- Sự cần thiết của nhiều tôn giáo	HT Thích Trí Chơn dịch	5
- Sống thoải mái, chết an lạc	HT Thích Bảo Lạc	9
- Phật Đản sanh và bí mật của con người	Thích Phổ Huân	18
- Bản giác	Lâm Như Tạng	22
- Nhận đau khổ & cho hạnh phúc	Sông Thu dịch	25
- Hành hương đất Thánh	Tâm Huệ	29
- Phật Giáo là gì?	Thích Nguyên Tạng dịch	32
- Còn gì để lại trước khi đi	Minh Đăng	39
- Thơ – Tùy phiên nào	Sông Thu	43
- Quy Y	TN Giác Anh dịch	44
- Muốn đạt an lạc giải thoát...	Bảo Trí	47
- Cảm niệm HT Tăng Thống	Thiện Chơn	49
- Thơ - Trưởng Thành	Viên Huệ	50
- Đối thoại Thiền	Giai Không	51
- Thơ – Phút đản sanh	Quảng Từ Vân	55
- Niệm Phật	TN Phổ Hạnh	56
- Biết và không biết	Chúc Khâm	59
- Quảng Cáo	Thân chủ	62

- Phương danh cúng dường	Ban Thủ Quỹ	70
- Tin sinh hoạt	Ban Thư Ký	76
- Thư thỉnh An Cư	TT Thích Minh Hiếu	80
- Thông Tư An Cư	Giáo Hội	trang bìa sau

Lá thư Phật Đản

“Phẩm Tựa Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, Đức Phật dạy đại chúng về báo đáp ân đức, trong đó có công ơn cha mẹ, ngay lúc đó tại thành Vương Xá có một người Phạm Chí, đồ đảng của bọn lục sư. Người ấy chính là thầy của nhóm được nhiều người cung kính cúng dường, nên thường chấp trước tà luận, hủy diệt chánh pháp, thường mang lòng ghen ghét, hủy báng Phật, Pháp, chúng Tăng.

Kẻ Phạm Chí ấy bảo tôn giả A Nan rằng:

“Thầy của người là Cồ Đàm, và những người trong giòng họ Thích, tự nói là hay, là tốt, có những công đức lớn lao, chẳng qua cũng chỉ có danh, mà không có thực. Thầy Cồ Đàm của người mới thực là người bạc phước. Nếu không như vậy, thì tại sao mẹ của ông vừa mới sinh ra ông được bảy ngày đã chết, để ông phải côi cút, như thế chẳng phải là người bạc phúc là gì? Cho đến khi khôn lớn, lại vượt thành xuất gia, làm cho vua cha phải buồn rầu khổ não... Thầy Cồ Đàm của người thực là người bội bạc, chẳng biết ân nghĩa, mới đành lòng dứt bỏ ra đi như thế! Cho đến phụ vương, vì tạo lập cung điện, cưới Da Du Đà La làm vợ cho, nhưng ông cũng chẳng làm theo bổn phận của vợ chồng, khiến cho nàng phải sầu khổ, cho nên biết Cồ Đàm là người bất hiếu”

(Kinh đã dẫn HT Thích Quảng Độ, HT Thích Chính Tiến dịch, chùa Quang Minh – Hoa Kỳ - ấn tống năm 2007).

Những lời nhận xét ấy không thực sự hoàn toàn đúng, vì trên thực tế chỉ đúng về mặt tiêu cực. Còn về mặt tích cực như sự tu hành khổ hạnh Cồ Đàm phải phấn đấu với thú dữ, ma vương, đói lạnh... cao cả gấp trăm lần hơn, đáng cho nhân loại cúi đầu bái phục quy y, lại không nhìn ra. Đó là những lời phê phán mang tính chủ quan đầy thiên kiến. Đạo Phật là đạo chân thật bất hư qua công hạnh tu chứng của chính bậc giáo chủ là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, sự hy sinh mọi lạc thú, ngay cả cung vàng, vương vị của Ngài để dẫn thân tìm đạo cứu độ mọi người và mọi loài, không phải là việc mà ai cũng có thể làm được. Chỉ có bậc xuất trần thượng sĩ, đáng Điều Ngự Trượng Phu, thầy của cõi trời, người... mới bền chí, dày tâm nguyện và dũng lực phi thường, vượt ra ngoài mọi thị phi tranh chấp, đạt thành vô thượng giác. Học hạnh nguyện Ngài hàng Thích tử phát nguyện vung gươm tuệ chặt đứt vô minh phiền não để tạo lập:

Đạo tràng dựng khắp nơi nơi

Lưới nghi phá hết trong ngoài sạch không

Ta ma hàng phục đến cùng

Truyền đăng Phật pháp nối dòng vô chung...

Đó là bản hoài của chư Phật, chư lịch đại Tổ Sư và các thế hệ kế thừa, trong hạnh nguyện làm hưng long Phật pháp; và đó cũng là tâm nguyện của bốn chúng đệ tử của Phật dâng lên cúng dường ngày Khánh Đản Đức Từ Phụ để báo đền công ơn hóa độ trong muôn một.

Nguyện cầu thế giới hòa bình, Phật pháp trường tồn, chúng sanh an lạc.

Kính chúc chư bậc đức giả, quý vị văn thi hữu cộng tác và quý thân chủ một mùa Phật Đản thân tâm thanh tịnh trọn đầy phúc lạc hòa bình.

Ban Biên Tập

SỰ CẦN THIẾT CỦA NHIỀU TÔN GIÁO

Nguyên tác: **Đức Đạt Lai Lạt Ma**

Chuyển ngữ: **HT Thích Trí Chơn**

Trích từ cuốn sách “*The Compassionate Life*”

Nếu không hiểu rõ giá trị truyền thống của các tôn giáo bạn, thì chúng ta rất khó bày tỏ lòng kính trọng các tín ngưỡng khác biệt. Do đó, sự tôn kính lẫn nhau giữa các đạo giáo là nền tảng thiết yếu cho sự hoà hợp. Chúng ta nên thể hiện tinh thần bao dung, đoàn kết, không phải bởi lý do chính trị hay kinh tế mà đơn giản vì chúng ta nhận thức được giá trị các truyền thống tôn giáo của những người khác. Tôi luôn luôn cố gắng cố võ và khuyến khích cho sự hoà đồng giữa các đạo giáo.

Những tôn giáo lớn trên thế giới đều dạy con người nên có tình thương, lòng từ bi và đức tính khoan dung, tha thứ. Mặc dù mỗi tín ngưỡng thuyết giảng một giáo lý riêng nhưng cuối cùng đều hướng đến một mục đích chung là giáo hoá, giúp con người có tình thương bao la, sống cuộc đời hạnh phúc hơn và xây dựng một thế giới hoà bình an lạc.

Tình thương, lòng từ bi và đức tính hỷ xả bao dung mà tôn giáo đã giúp con người thành đạt, là điều rất quan trọng. Những tôn giáo chính yếu của thế giới đều có một mục tiêu chung là cứu giúp nhân loại. Mỗi tín ngưỡng thích hợp cho một số người. Vì trên thế gian, nhân loại với đông đảo hàng trăm triệu chúng sinh nên cần phải có nhiều tôn giáo. Điều này rất cần thiết và bổ ích. Sau đây tôi xin thuyết giảng đề tài “*Sự Hoà Hợp Tôn Giáo*”

Con người sống ở khắp nơi đều cần có tín ngưỡng. Tôi tin rằng, mỗi tôn giáo lớn trên thế giới đều đóng một vai trò quan trọng của nó. Tuy nhiên các tôn giáo, nếu muốn góp phần hữu ích cho sự phúc lạc

của nhân loại thì có hai vấn đề cốt lõi cần được cứu xét.

Trước hết là sự thực hành tôn giáo của mỗi cá nhân chúng ta phải chân thành. Những lời dạy của tôn giáo luôn luôn gắn liền chứ không thể tách rời khỏi cuộc sống của chúng ta. Đôi lúc chúng ta đi chùa hay nhà thờ để cầu nguyện với những ý nghĩ thiện, nhưng khi rời khỏi các nơi này thì chúng ta lại khởi tâm làm nhiều việc ác. Như vậy tức chúng ta đã không thực hành đúng đắn lời dạy của tôn giáo.

Bất cứ nơi nào chúng ta có mặt, bức thông điệp của đạo giáo các bạn đang theo cần phải hiện hữu. Lời dạy trong tín ngưỡng nên gắn bó với đời sống của quý vị để khi gặp khó khăn chúng sẽ là nguồn an ủi và giúp đỡ chúng ta.

Tôn giáo thực sự hữu ích khi nó gắn liền với cuộc sống của hành giả. Chúng ta không chỉ hiểu biết suông giáo lý đó mà cần phải trải qua kinh nghiệm của sự thực hành. Đôi khi chúng ta chỉ nghiên cứu hời hợt lý thuyết của các tôn giáo. Nếu không thấu triệt những lời dạy trong tôn giáo, kết quả gặt hái được của người tín đồ rất ít. Cho nên, chúng ta cần phải thành tâm thực hành và áp dụng lời dạy của tôn giáo trong đời sống hằng ngày.

Yếu tố thứ hai là sự hỗ trợ giữa các đạo giáo trên thế giới. Ngày nay, do sự thay đổi, phát triển kỹ thuật và nền kinh tế toàn cầu, chúng ta sống lệ thuộc với nhau nhiều hơn trước. Những quốc gia và đại lục ngày càng thu nhỏ và hoạt động sống gần gũi, sát cánh nhau. Thực vậy sự sống còn của một khu vực trên quả đất này đều có liên hệ mật thiết đến các vùng khác. Cho nên thế giới chúng ta đang sống ngày càng thu hẹp gắn bó tương quan với nhau nhiều hơn. Đời sống của nhân loại hỗ trợ trên quy mô rộng lớn toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó, sự chấp nhận nếp sống đa tôn giáo của nhiều tín ngưỡng trên thế giới là điều rất cần thiết.

Thời xưa, khi các cộng đồng nhân loại sống hoàn toàn cách biệt cho nên sinh hoạt của những tôn giáo cũng ít liên hệ với nhau, do đó mỗi địa phương có một tín ngưỡng riêng là điều hợp lý. Nhưng ngày nay tình hình đã thay đổi, và cuộc sống của xã hội con người cũng hoàn toàn khác hẳn. Cho nên, hiện tại điều chủ yếu là chúng ta nên chấp nhận sự có mặt của nhiều tôn giáo và để phát triển tinh thần kính trọng các tín ngưỡng khác biệt, chúng ta cần tạo sự thông cảm, đoàn kết và thân hữu giữa các đạo giáo với nhau. Được vậy, các tôn giáo trên thế giới mới có thể đóng góp hữu ích, mang phúc lợi và hạnh phúc đến cho con người.

Lúc còn sống ở Tây Tạng, ngoài Phật giáo, tôi ít có cơ hội liên lạc với tín đồ của những đạo khác, do vậy mà cảm tình của tôi đối với ngoại đạo rất là tiêu cực. Nhưng sau này, kể từ khi tôi có dịp gặp gỡ, tiếp xúc với những người khác tôn giáo, được học hỏi nhiều kiến thức, và kinh nghiệm ở nơi họ, từ đó quan niệm hẹp hòi của tôi về các tín ngưỡng khác đã hoàn toàn thay đổi.

Tôi tin rằng tất cả những đạo giáo đều hữu ích cho nhân loại và mỗi tôn giáo đều góp phần giúp cho thế giới con người có cuộc sống tốt đẹp hơn. Trong nhiều thế kỷ qua, những niềm tin khác nhau thực sự đã mang lại sự an lạc và hạnh phúc cho loài người. Hiện nay có hàng trăm triệu tín đồ khắp nơi trên thế giới đã tìm thấy nguồn vui tinh thần từ các tôn giáo như Thiên Chúa, Phật Giáo, Ấn Độ, Do Thái và Hồi Giáo v.v..

Sau đây, tôi xin đơn cử một ví dụ cụ thể. Có lần tôi được dịp viếng thăm một linh mục Thiên Chúa đang sống tu tại một tu viện nổi tiếng trên núi Montserrat trong tỉnh Barcelona, vùng đông bắc Tây Ban Nha (Spain). Dân chúng địa phương cho biết rằng tu sĩ này đã tu thiền định nhiều năm trên một ngọn đồi ngay phía sau tu viện. Lúc tôi đến thăm, ông liền rời nơi ẩn tu vui vẻ xuống gặp gỡ tiếp đón chúng tôi. Khi mặt đối mặt, vì trình độ Anh ngữ của ngài kém hơn tôi nhiều, cho nên tôi đã phải cố gắng hết sức và rất khó khăn để nói chuyện cho ông hiểu. Tôi hỏi: *“Những năm qua, ngài làm gì trên ngọn đồi ấy?”*.

Vị ẩn tu này nhìn tôi và trả lời: *“Tôi thiền quán về lòng từ bi”*. Chỉ có một câu ngắn ngủi nhưng qua ánh mắt nhìn hiền từ, ngài đã trao cho tôi một thông điệp của tình thương bao la. Nghe vậy, tôi thực sự hết sức ngưỡng mộ về hạnh tu ẩn dật và khắc khổ của ngài. Cuộc gặp gỡ này cũng giúp tôi tin tưởng rằng tất cả các tôn giáo trên thế giới, dù triết lý và lời răn đạo đức có khác nhau, nhưng cùng chung một mục đích là hướng dẫn mọi người cải tà quy chánh, bỏ ác làm lành. Mỗi tín ngưỡng đều chuyên chở một thông điệp riêng mâu nhiệm của lòng bác ái và tình thương nhằm cứu giúp nhân loại.

Điều tôi muốn nói ở đây là những người theo giáo lý hữu thần thì họ đặt niềm tin căn bản vào Thượng Đế là đáng tạo lập nên thế giới vũ trụ hiện hữu. Chẳng hạn các tín đồ Thiên Chúa không chấp nhận lý thuyết luân hồi, cho nên họ không tin có đời trước và kiếp sau. Họ chỉ biết cuộc sống hiện tại và tin rằng, chính đời sống này là do đức Chúa Trời tạo dựng nên. Do vậy mà họ cảm thấy sống gần gũi kính yêu dưới sự che chở và cứu rỗi của Ngài. Hơn nữa, giáo lý Thiên Chúa cũng dạy chúng ta nên mến thương đồng loại, vì tất cả mọi người đều là con của Chúa và do đức Chúa Trời tạo ra. Cho nên, tôi nghĩ những ai theo Thiên Chúa, đã từng khuyên bảo kẻ khác thờ kính mến yêu Chúa mà chính họ lại không biết thương yêu và giúp đỡ những kẻ khốn cùng nghèo khổ thì đó thực là điều không thể có.

Vì thế, nếu chúng ta khảo sát mỗi tôn giáo từ nhiều góc cạnh, quan điểm khác nhau, chứ không chỉ thuần túy về phương diện triết lý, thì chúng ta nhận thấy rằng các tôn giáo lớn trên thế giới đều cùng có một mục đích chung là giáo hoá hướng dẫn con người tu tập, cải tà quy chánh, bỏ ác làm lành. Đây là điều hiển nhiên. Nhờ kết thân, liên hệ chặt chẽ với nhiều đạo giáo khác đã giúp chúng ta có thái độ cởi mở khoan dung, bớt cố chấp kỳ thị và biết kính trọng các tín ngưỡng của người khác.

Riêng tôi nhờ tiếp xúc, giao hảo tốt với những tôn giáo bạn, chúng tôi đã học hỏi được nhiều ý kiến bổ ích về cách tổ chức điều hành, quản lý cơ sở và nhất là các phương pháp hành trì mới lạ của họ để áp dụng chúng vào công việc tu tập của chính mình. Tương tự như thế, các linh mục và nữ tu Thiên Chúa cũng đã bắt chước áp dụng một vài phương pháp tu hành của Phật giáo như ngồi thiền hay luyện tập phát triển các đức tính khoan dung, tình thương và lòng từ bi v...v... Thực vô cùng lợi lạc, nếu hành giả của nhiều truyền thống tôn giáo biết đoàn kết, hoà hợp cùng đến với nhau để gặp gỡ và trao đổi những kinh nghiệm tu tập.

Nhiều nhà chính trị cũng như nguyên thủ các quốc gia thường tổ chức những cuộc họp mặt và thảo luận về sự hợp tác chung sống hoà bình. Tại sao các vị lãnh đạo tinh thần tôn giáo chúng ta không làm được? Chẳng hạn năm 1987 tại Assisi (Ý Đại Lợi), các nhà lãnh đạo và đại biểu nhiều tôn giáo lớn trên thế giới đã tổ chức một hội nghị để gặp gỡ nhau và cầu nguyện cho thế giới hoà bình, mặc dù tôi chẳng hiểu phải chăng sự “*Cầu nguyện*” này là danh từ chính xác để diễn tả về hành động tu tập của các đạo giáo này hay không? Nhưng dù sao thì điều quan trọng là những vị đại diện các tôn giáo chính yếu của thế giới đã cùng chung đến một nơi để gặp gỡ và tụng kinh cầu nguyện theo truyền thống mỗi tín ngưỡng riêng của mình. Điều ấy đã xảy ra, và tôi nghĩ đây là một việc làm thiện chí rất có ý nghĩa và xây dựng. Chúng ta cần nỗ lực nhiều hơn nữa nhằm phát triển tinh thần đoàn kết và hoà hợp giữa các tôn giáo trên thế giới hầu giúp con người vượt qua những khó khăn đã gây nên sự phân hoá trong cộng đồng nhân loại.

Tôn giáo là phương thuốc thần diệu làm giảm thiểu các cuộc khủng hoảng tranh chấp trên thế giới. Nếu tôn giáo thất bại trong sứ mạng thiêng liêng cao cả đó thì thực là một tai hoạ. Ngày nay cũng như thời xưa nhiều cuộc chiến tranh đã xảy ra vì sự cuồng tín khác biệt tôn giáo. Thật là điều bất hạnh và đáng buồn cho nhân loại. Tuy nhiên, nếu tìm hiểu sâu xa vấn đề, chúng ta nhận thấy rằng, cuộc sống bây giờ đã hoàn toàn đổi khác. Hiện nay, các quốc gia không còn sinh hoạt độc lập như ngày trước mà cần liên kết với nhau để tồn tại. Cho nên, sự hợp tác thân hữu giữa các tôn giáo là điều rất cần thiết, nhằm góp phần mang lại hạnh phúc và an lạc cho nhân loại.

Lòng Từ Bi Cần Được Xem Như Là Một Tôn Giáo Phổ Biến Toàn Cầu

Ngày nay điều ai cũng nhận thấy rõ là bất cứ tôn giáo nào, cho dù giáo lý có hấp dẫn, cao siêu cách mấy, cũng chỉ thu hút được một số ít người chấp nhận và tin theo. Phần đông trong số năm hay sáu tỷ người trên quả đất này, tôi biết họ không theo tôn giáo nào cả. Tuy nhiên theo truyền thống, nguồn gốc và dòng giống của gia đình, họ có thể tự nhận thuộc nhóm theo tôn giáo này hay tín ngưỡng nọ. Ví dụ họ bảo: “*Tôi là Phật tử*” “*Tôi theo Ấn giáo*” hay “*Tôi là Công Giáo*” v...v...nhưng trên thực tế, những cá nhân này chẳng mấy quan tâm đến việc thực hành theo đạo giáo của họ.

Các vị đại giáo chủ thời xưa như đức Phật, đấng Đại Hùng (*Mahavira*), Chúa Giê-Su và Mô-Ha-Mét (*Mohammed*) đã thất bại trong việc hướng dẫn toàn thể nhân loại đặt niềm tin vào các tôn giáo. Thực ra, không một vị giáo chủ nào có khả năng làm được việc đó. Những người không tin ngưỡng nói trên được gọi là vô thần. Theo vài học giả Tây Phương, các Phật tử cũng được xem như là vô thần, bởi lẽ họ không chấp nhận tin có đấng Tạo Hoá toàn năng. Để phân biệt giữa người Phật tử, với những kẻ không tin ngưỡng nói trên, đôi lúc, tôi thêm vào một chữ “*hoàn toàn*” (extreme). Tôi gọi họ là những người “*Hoàn toàn không có tin ngưỡng*” (Extreme non-believers). Bởi lẽ, các phần tử này, chẳng những không có đức tin tôn giáo, mà họ còn cực đoan cho rằng không một hành động đạo đức tâm linh nào có giá trị. Tuy nhiên chúng ta cần nên biết những người này vẫn là một phần của nhân loại và như mọi kẻ khác, họ cũng muốn có cuộc sống hạnh phúc và an lạc. Đây là điều quan trọng.

Mặc dù quý vị bảo rằng không có tin ngưỡng, nhưng bao lâu các bạn còn là một phần của nhân loại và là con người, quý vị vẫn cần đến tình thương cũng như lòng từ bi của con người. Đây là lời dạy căn bản của các tôn giáo. Nếu không có tình thương, tôn giáo có thể trở thành tai hại. Do đó, mặc dù có tin ngưỡng hay không, sự thực hành cốt yếu của bạn vẫn là thể hiện tâm từ bi cứu giúp mọi chúng sanh. Tôi xem “*Tình thương và lòng Từ Bi của con người như là một tôn giáo phổ biến toàn cầu*”. Bởi lẽ tình thương bao la sẽ là chất liệu nuôi dưỡng, giúp cho tâm chúng ta có an lạc và hạnh phúc. Vì thế, lòng từ bi rất cần thiết cho tất cả mọi người.

Như tôi đã trình bày ở trên, một vài linh mục và nữ tu Thiên Chúa cũng như các tín đồ Công Giáo nói với tôi rằng họ đã áp dụng phương pháp tu tập của Phật giáo để phát triển tâm từ bi và đức tin Thiên Chúa của họ. Tôi thường bảo những người bạn Tây Phương rằng, quý vị nên cố gắng duy trì cái đạo gốc truyền thống của mình. Thay đổi tôn giáo là việc không dễ dàng và đôi khi còn gây điều bất lợi buồn phiền cho các bạn.

Tuy nhiên, những ai cảm thấy có duyên với đức Phật, và tâm mình vô cùng an lạc khi thực hành lời dạy của Ngài, bạn có thể quay trở về quy y theo Phật Giáo, sau khi đã suy nghĩ kỹ chín chắn. Nhưng điều quan trọng nên nhớ là bạn đừng bao giờ chê bai, chỉ trích tôn giáo cũ để biện minh, bênh vực cho hành động cải đạo theo tôn giáo mới của mình. Điều này tôi mong quý vị tuyệt đối nên tránh. Bởi lẽ tín ngưỡng chúng ta theo trước đây, mặc dù hiện giờ không còn thích hợp với các bạn nữa, nhưng điều ấy không có nghĩa là tôn giáo đó hoàn toàn vô ích đối với nhân loại. Trong tinh thần biết chia sẻ những ý kiến, quyền tự do của người khác, nhất là giá trị truyền thống tín ngưỡng của họ, quý vị nên kính trọng tôn giáo cũ trước đây của mình. Điều này rất quan trọng, mong các bạn lưu ý.

Sống thoải mái chết an lạc

HT Thích Bảo Lạc

Như ngài kiểm toán lại quảng đời người, nêu lên hàng chục câu hỏi như thế này, liệu chúng ta có trả lời thích đáng như:

Bạn đã từng mượn nợ ai chưa? Từ ngày trưởng thành đến nay bạn đã vay tiền nhà băng mấy lần? Bạn có quyêt nợ ai không? Là người tu hành, Thầy có làm tròn bốn phận Tỳ Kheo? Có mắc nợ Phật tử? Có phục vụ Tam Bảo hết lòng chưa? Nếu lỡ che dấu tội

lỗi có xứng đáng làm Thầy người? Ai là người đáng tin tưởng của ta trên đời này? Mỗi trần trở của bạn là gì? Tại sao tiền mất tật mang?

Ngày xưa quả báo thì chầy

Ngày nay quả báo ở ngay nhân tiền...

Không biết có ai trong chúng ta quán sát đời sống của nhân sinh rồi đặt thành vấn đề: trong số một trăm người lúc hấp hối lia đời có bao nhiêu người ra đi được êm xuôi nhẹ nhàng? Và có bao nhiêu người quần quai đau đớn? Trong thời gian gần đây, tôi luôn tự vấn mỗi khi nghe tin một vị tăng, ni viên tịch, và có cơ hội so sánh với cái chết của người Phật tử tại gia. Thật là khó hiểu, những giờ phút lâm sàng của các bậc tôn túc không suông sẽ mà gây nhiều trở ngại cho người còn ở lại. Việc này hầu như chiếm tới 95%, tuy cũng có một thiểu số vị nhắm mắt buông tay thoải mái thanh thoát như trong sách sử đều có chứng cứ hẳn hoi. Vấn đề thật là đơn giản như sáng và tối, nắng mưa, lớn nhỏ, cao thấp, đẹp xấu, vui buồn, khỏe mạnh - ốm đau, giàu nghèo, bình dân, trí thức...Luận như thế, để đi đến hệ quả: do thiếu thành thật và ác nghiệp thắng lướt nên cá nhân những vị, dù là giáo phẩm Hòa Thượng, Ni Trưởng, Thượng Tọa, Ni Sư đi nữa vẫn

phải trả quả báo như thường. Nếu như các Ngài được miễn, chẳng hóa ra đạo lý nhân quả thiếu minh bạch hay sao? Điều ác xảy đến lúc cận tử nghiệp, theo tôi có hai điểm lợi: cảnh tỉnh người nên lo tu tiến để tự cứu mình trong lúc hấp hối này, không ai có thể thay thế được, chí thân như cha mẹ, con cái, vợ chồng, anh chị em...cũng đành bất lực ngậm ngùi chia tay tiễn biệt mà thôi. Thứ hai, nhằm sách tấn giới xuất gia thấy gương không lành trước mắt đề tỉnh tấn không ngừng cho cái thiện nghiệp trong mỗi người càng thêm tăng trưởng, ngỏ hầu chờ tới lượt mình ra đi được toàn thành tâm nguyện.

Muôn được thông dong tự tại để thần thức đi tới cảnh giới an lạc, mỗi người cần phải giữ bỏ hay dứt sạch những món nợ trả vay như:

I- Về vật chất:

Sống giữa lòng đô thị của các nước tư bản, văn minh giàu đẹp, hầu như người nào cũng đều mắc nợ cả. Tại sao vậy? Vì sự cạnh tranh sinh tồn giữa cung và cầu luôn luôn cứ chạy đua theo như không bao giờ ngừng nghỉ, cho nên mọi người bắt buộc phải nương vào nhau để sống. Đó là hệ quả của những món nợ dây chuyền giữa người này và người kia. Ở đây chỉ giới hạn nói về ngôi chùa dựng lên từ hai bàn tay trắng, hẳn nhiên phải vay nợ ngân hàng hoặc mượn của Phật tử. Nợ phải trả định kỳ mỗi tháng; lại đủ thứ bills khác như điện, nước, gas, điện thoại, internet v.v... Đó là chưa kể những hóa đơn mua hàng, vật dụng, thức ăn, xe cộ, bảo hiểm, y tế...

Những món tiền xài đó gọi là của nợ, không trả không được. Chẳng hạn không trả tiền điện một quý (term) 3 tháng, công ty điện lực gửi thư hỏi lý do, nếu chủ hộ cho biết đích xác, họ có thể co giãn cho trả trễ. Bằng không nêu ra được lý do trễ nải; tháng kế điện bị cúp không thể kêu nài. Nợ nhà: 3 tháng không trả, nhà băng thông báo và căn nhà hay ngôi chùa bị niêm phong để chờ bán đấu giá (auction) lấy tiền trả ngân hàng. Nhiều người cũng chỉ vì không thanh toán nổi những thứ bills mà phải vất vả với pháp lý, mất cả ăn ngủ, hao tổn sức khỏe, tốn kém tiền bạc và nhiều khi lại còn mất cả thanh danh nữa. Nói tới các món nợ vật chất gồm rất nhiều mặt như cửa hàng, tiệm buôn, văn phòng,

ruộng đất, máy móc, đồ đạc, cơm áo, học hành, nghề nghiệp, ăn uống... người ta phải trang trải sòng phẳng mới tồn tại trong đời sống.

Tiến bộ xã hội làm con người cũng phải lao theo cho kịp, nếu không là bị đào thải và thoái hóa. Con người có văn hóa sống trong một xã hội văn minh. Mọi người biết tôn trọng phẩm cách mình và cũng phải biết tôn trọng phẩm cách người khác để cùng nhau kiến tạo một đất nước phú cường an lạc. Những người sống có ý thức không gây sự phiền phức mất lòng người khác như mắc nợ phải lo trả, không vì lý do này hoặc lý do khác mà trì hoãn hay trốn tránh được. Nhận của người lễ vật, quà cáp, cũng phải tìm cách đáp trả, chứ không thể phớt tình được, vì như thế cũng là hình thức không sòng phẳng. Câu tục ngữ: “đón phải vác”, tức là gây ra việc nào phải làm sạch gọn việc đó đừng để dây dưa phiền tới nhiều người khác.

Theo nhận xét chủ quan: người ít có nhu cầu hẳn cũng giảm thiểu phiền toái khổ đau. Những thói hư như hút sách, rượu chè, cờ bạc, trai gái mà cổ nhân ta gọi là bốn thứ làm tan nhà mất mạng dễ dàng; còn đối với các tật xấu chẳng hạn: biếng lười, ưa xả đồ đạc nghênh ngang không dọn dẹp, nũng nịu làm dáng để được người khác chiều chuộng, buộc người giống mình, tánh ưa giận lẫy, hờn mát. Tuy những thói hư khó trị thật, nhưng nếu cố gắng người ta cũng cải thiện, phục hồi lại được; trong khi các tật xấu có nhiều người bỏ được cho tới tuổi trưởng thành. Vì họ tự ý thức trách nhiệm và bổn phận trong gia đình cũng như ngoài xã hội phải chu toàn. Cũng như biết rõ: phạm giới tà dâm là mắc quả báo, chồng hay vợ sẽ đi vào con đường tội lỗi đó, như lời Phật dạy mà người Phật tử chân chánh nên tránh hẳn những thói hư để xây dựng hạnh phúc gia đình. Ngoài ra dùng tình cảm để mua chuộc, dùng mỹ nhân kế lung lạc lòng người, bày thuật lạ, chước hay khéo hầu phủng tay trên v.v... đều là cái nhân bất thiện; cho chí dùng chiêu bài để khuyển dụ, ép buộc người khác nghe theo ta. Những việc làm có tính lợi mình hại người như thế ai biết được. Ngoài ta ra chỉ có thánh thần soi tỏ mà thôi. Cho nên bản tánh thiếu lương thiện con người đã bắt rễ sâu từ trong quá khứ lâu đời cũng khó một sớm một chiều mà tận diệt sạch hết được. Đã là con người, người xuất gia cũng không ngoại lệ. Họ cũng có những mối trần trở, mắc vào 3 thứ sắc dục, danh vị, tiền tài làm cho tâm tư vẫn đục không thoát khỏi vòng hệ phược (buộc ràng) của đời sống hiện tại. Cho tới lúc sắp lìa đời những mối kết buộc không thể rời khỏi thân thức để đi đầu thai thoát xác được. Đó mới chính là đầu mối của đọa đày thân xác tứ đại và tâm thức, thay vì được thăng hoa, lại đi xuống một cảnh giới thấp hèn xấu ác mà hàng xuất gia phải lặn vào thọ quả báo đã gây tạo trước kia. Nhân tiện, tác giả xin phép gia đình bà Võ Thị Kim Bạch (thứ nữ) chuyển thác sanh nhẹ nhàng của ông cụ thọ đúng 100 tuổi tháng 10 năm 2009 để mọi người chiêm nghiệm.

Ông Võ Văn Dung sanh ngày 15/01/1910 tại Cần Đức, tỉnh Long An, Việt Nam đoàn tụ gia đình tại Sydney năm 1995. Tới năm 2000 hai ông bà đã xin T.T Bảo Lạc quy y Tam Bảo trong dịp đại lễ PD 25/05/2000 với pháp danh là Chúc Toán và Chúc Tuyên. Nhưng bà Trần Thị Lâm đã qua đời năm 2001. Từ ngày vợ chết, ông Chúc Toán siêng năng niệm Phật, phát nguyện ăn chay mỗi tháng 10 ngày, biết cúng dường tu phước và đi chùa lễ Phật, nghe Thầy giảng đạo lý. Tuy tuổi đã ngoài 90, ông vẫn luôn luôn sáng suốt, đi đứng tự nhiên không cần người dìu đỡ như bao cụ già khác. Ông rất kính quý Hòa

Thượng Phương Trọng chùa Pháp Bảo, cũng như Đại Đức trụ trì Thích Phổ Huân, hề vắng chùa vài ba tháng ông giục con cháu đưa ông đi ngay. Có khi thân thể mệt tới chùa lễ Phật xong, ông ngồi xuống băng đá nghỉ chốc lát rồi phải gặp Thầy chào hỏi cho bằng được mới chịu ra về. Trước khi mất độ năm năm, ông bị bệnh ruột thừa phải đi nhà thương, sau lần giải phẫu cắt ruột dư ấy, ông có phần yếu hơn, tuy mỗi ngày vẫn lo đủ thời khóa đốt nhang, châm nước cúng Phật, niệm Phật. Cho tới đầu năm 2009 vừa tròn 100 tuổi, ông tới chùa Pháp Bảo và trình bày với Thầy Phổ Huân rằng ông muốn nhờ Thầy tổ chức sinh nhật 100 tuổi cho ông trong tháng 5 năm 2009, nhân tiện có người con gái lớn (76 tuổi) của ông từ Hoa Kỳ sang thăm ông hai tuần lễ. Được Thầy Phổ Huân hoan hỷ nhận lời ngay, thế là lễ sinh nhật lần thứ 100 của ông được tổ chức tại chùa Pháp Bảo vào sáng thứ bảy ngày 2 tháng 5 năm 2009, với đông đủ con cháu, quý Thầy, quý Sư Cô, quý Phật tử của chùa và thân bằng quyến thuộc. Hòa Thượng Phương Trọng chủ lễ niệm hương, tụng kinh cầu nguyện; sau đó chúc phúc đến ông và toàn thể gia quyến. Trong dịp lễ hy hữu này, H.T còn sắp xếp cho các con cháu, rể dưng trà mừng thọ và lễ lạy trước mặt ông. Ông vô cùng cảm động nhận 3 lạy báo hiếu của con cháu mà bấy lâu nay họ chưa có dịp thực hiện. Trong lời đáp từ, ông nghẹn ngào cảm tạ ân đức Hòa Thượng, Đại Đức, quý Sư Cô, cùng các Phật tử và cho hay rằng ước nguyện trong đời ông đã thành tựu và có chết cũng được mãn nguyện rồi!

Sau đó, gia đình còn sắm sửa trai soạn đãi chư Tăng Ni và khách mời cũng như cúng dường tịnh tài đến quý Thầy Cô; các thân hữu ca hát tặng cho ông, nên trông gương mặt ông vui hiện thấy rõ. Đến lễ Vu Lan - Rằm tháng 7 – nhưng chùa Pháp Bảo tổ chức lễ nhằm ngày 18 tháng 7 âm lịch (tức chủ nhật 6/9/2009), trước lễ một ngày, thứ bảy 05/09/09 ông một hai đời đi chùa cho được. Ông nói rằng hôm nay là ngày quan trọng, không thể không đi chùa được, nhưng sức khỏe ông yếu nhiều, thần sắc sút giảm, lúc lạy Phật ông phải ngồi chứ không còn đứng như lúc trước. Bằng đi độ 4 tuần lễ, ông nhớ chùa và bảo con rể chờ đi, hôm ông tới chùa Pháp Bảo và gặp tôi mới từ Hoa Kỳ về (02/10/09), ông chào mừng vui vẻ và còn đùa vui rằng tôi mỗi ngày thêm lụn tàn, còn trông thầy sao mà tốt tướng mặt hồng hào, và ông còn nói tiếp: chắc đây là lần gặp Thầy cuối cùng! Thật vậy, sau đó không đầy vài tuần, người nhà phone lại chùa báo tin ông sắp hấp hối ở nhà thương. Trước đó một ngày ông than mệt nên con gái gọi xe cấp cứu tới chờ đi và không đầy 40 tiếng đồng hồ sau tức ngày 29/10/09 ông đã lìa đời trong trạng thái thật là bình an, như không còn một niệm lưu luyến nào trên đời này nữa cả. Lúc ông sắp tắt thở ở chùa Pháp Bảo có quý Cô đến nhà thương tiếp dẫn cho thân thức ông đi về cõi Phật.

Vì cảm mến một bậc lão niên sống thọ, lại tinh tảo tới giờ phút cuối đời, tôi có tới dự lễ phát tang ông ở nhà quán Vạn Thọ, và có lời khai thị để thân thức của ông nhớ đường đi nẻo về cõi Tây Phương an lạc quốc.

Từ 30 năm nay ở Úc, đây là lần đầu tiên tôi biết cái chết như ý mãn nguyện nhất của một người thượng thọ lên tới số tuổi 100. Cái chết như ý mãn nguyện nhân mạnh tới hai điều quan trọng mà hầu như ít có người đạt được. Thứ nhất, với số tuổi 100 như ông Chúc Toán mà mọi việc cá nhân như ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, đi lại... ông tự lo mà không phiền tới con cháu hay nhân viên xã hội. Nếu muốn, ông có thể yêu cầu chính phủ cho người tới nhà lo liệu giúp mọi việc. Thế là ông thoát được món nợ trần gian! Có nhiều

người bệnh nằm liệt giường không ngồi dậy được, cho nên sống lây lất càng làm khổ nhiều người và thêm tốn kém tiền thuê của dân chúng mà thôi. Món nợ này, tuy vô hình nhưng nặng nề lắm đó! Chúng ta phải tâm tâm niệm niệm cầu nguyện đến thiên binh ra đi cho được nhẹ nhàng, tinh táo, không để bận tâm phiền trách đến ai. Đó là đạt được giải thoát trước mắt hay chính là kết quả của những thiện nhân tu tạo trong suốt quãng đời người.

Thứ hai, ở đời mọi người đều tin 5 điều phước báu, đó là giàu có, đông con, sống lâu, không bệnh hoạn và chết an lạc. Theo như tôi biết, ông thiếu hai việc trước, chỉ được ba phúc sau như thế cũng đã là phước đức ông bà rồi. Như bên trên đã có đề cập, sống trên đời có nhiều cái chết thật là vất vả, phiền phức, tạo thêm sự bất an lo lắng cho người còn lại.

Tôi còn nhớ cách đây 7,8 năm, nữ hoàng Elizabeth đệ nhị, mẹ của nữ hoàng Anh hiện tại lúc bà chết cũng với số tuổi 101, thật là tinh táo an lạc. Nghe thuật lại, trước khi mất một hôm, bà còn đi dự lễ hội và đọc viễn văn trước công chúng. Như vậy, nữ hoàng Elizabeth đệ nhị đã đạt hầu gần đủ 5 điều phúc đức. Cho nên chết an lạc là một ước mơ của mọi người nhưng lại rất hiếm kẻ toại nguyện.



II- Về tinh thần:

Như mọi người Phật tử chúng ta đều biết bổn phận của mình là lo đền đáp bốn ân: cha mẹ, quốc gia, đàn na thí chủ, Tam Bảo cho trọn vẹn xứng đáng. Riêng đối với người tại gia không phải bận tâm đến ân đàn na thí chủ, vì mỗi người phải đi làm việc đóng thuế trong khoảng thời gian từ 30 đến 50 năm. Tới lúc hưu trí lãnh tiền an sinh xã hội cũng vừa đủ trang trải, vì bản thân có tham gia đóng góp công lao sức lực trước đó. Những người nào lãnh trợ cấp xã hội (trợ cấp thất nghiệp) mà cứ nghĩ rằng mình có quyền nhận, nếu không người khác cũng nhận, đó là ý nghĩ sai lầm cần nên sửa đổi. Thế thì tu sĩ không đi làm việc mà nhận trợ cấp thất nghiệp có hợp pháp không? Quý vị đừng nghĩ rằng hệ thấy giới nhà tu không đi làm việc là không đóng góp công sức vào xây dựng đất nước đâu. Chúng ta có biết đâu rằng đóng góp có nhiều cách không những bằng

sức lực mà còn bằng tài năng trí tuệ cho sự phát triển quốc gia dân tộc nữa. Sự có mặt của mỗi vị lãnh đạo tinh thần trong đời sống nhân sinh là một đảm bảo an lành về mặt trị an cho đất nước hay xứ sở. Vấn đề là chúng ta đừng quá dễ dãi xử dụng đồng tiền trợ cấp không đúng chỗ để phải mắc nợ khó trả xong trong một đời.

Một người tăng sĩ khi đủ trưởng thành ra làm việc đạo đã thọ nhận không biết bao nhiêu ân phước từ Thầy Tổ, người bảo trợ (bảo lãnh), người tín chủ, các bậc giáo thọ sư, chư vị giới sư (truyền giới), người nông phu, người vệt vải, thợ may, thợ mộc, thợ hồ, thợ ống nước, thợ lát gạch, kỹ sư, kiến trúc sư, thợ sơn, thợ vẽ, thợ chế biến, người làm vườn, người nấu ăn v.v... Nếu không nhờ những bàn tay ân cần đóng góp vào các ngành nghề cho ta có chỗ ở, có thức ăn, phương tiện đi lại, vải để may mặc, có trường lớp cho ta học tập, thầy giáo dạy ta kiến thức, vườn cảnh giải trí, xe hơi, tàu thủy, máy bay, điện thoại, vi tính, xa lộ thông tin, truyền hình, truyền thông báo chí, nhà thương, nhà trẻ, viện dưỡng lão, viện cô nhi... Nhà văn, nhà thơ, internet, email, mobile phone, máy ảnh v.v... là những phương tiện hiện đại không thể thiếu cho nhu cầu của đời sống.

Thế nhưng, nhìn lui về quá khứ các bậc cha ông, Thầy Tổ của chúng ta sống không nhờ các phương tiện hiện đại có bị lạc hậu thoái hóa không? Câu trả lời dứt khoát: Không, vì do môi trường và hoàn cảnh mà nảy sinh ra nhu cầu. Nhu cầu càng cao thì sự cung ứng càng nhiều để đạt mục tiêu của kinh tế thị trường và làm thỏa mãn thị hiếu người tiêu thụ. Xin tạm dùng câu này để ví: “con người của thế kỷ 21 này đang chơi trò chơi cút bắt; như luôn cố tìm đối sách lạ để làm cho đối phương mờ mắt; đó là chiêu thức thành công cho việc tiêu thụ sản phẩm mới trình làng”. Có điều trở trêu phi lý là thời đại càng văn minh, số băng hay túi tiền của ta bị thủng đáy hay không cánh mà bay đi vào ngõ ngách nào không biết! Nói thế để cho thấy rằng, con người càng chạy theo những thứ hào nhoáng bao nhiêu càng lao vào nhiều thử thách, chi tiêu tới mức báo động chẳng dừng lại được. Đừng làm tưởng cho rằng sau khi ta tắt thở là dứt nợ. Những món nợ tinh thần này tuy vô hình nhưng thật là đắt giá mà người Phật tử không nên hời hợt khinh suất được.

Lại một câu chuyện nữa, về cái chết an lạc của một bậc chân nhân hay là một vị đạt được niệam Phật tam muội: Hòa Thượng Quảng Khâm (1892 – 1986). Dẫn một chút lai lịch về Ngài.

Hòa Thượng Quảng Khâm sanh vào đời nhà Thanh, năm Quang Tự thứ 18 (1892). Ngài có thể danh là Hoàng Văn Lai quê quán tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa.

Gia đình Ngài rất nghèo, đến độ anh ruột Ngài không có đủ tiền để cưới vợ. Năm Ngài lên 4 tuổi, vì không đủ sức nuôi con nên cha mẹ phải đem Ngài bán làm con nuôi cho gia đình họ Lý ở Tân Giang. Ông bà Lý là người rất tốt, cả đời sống bằng nghề nông. Họ thương yêu Ngài như con ruột vậy. Bà Lý là người tin Phật thuần thành nên giữ trường trai. Bà thường đem Ngài lên chùa cầu nguyện, bởi từ nhỏ Ngài thường bệnh hoạn thân thể yếu ớt.

Bà Lý qua đời năm Ngài lên 9 tuổi, và hai năm sau dưỡng phụ Ngài cũng từ trần, khiến Ngài bỗng chốc trở thành cô nhi. Bấy giờ bà con họ hàng ai nấy đều tranh dòm, chờ chực để chiếm đất đai ruộng vườn, tài sản của gia đình họ Lý để lại. Điều ấy khiến Ngài, một thiếu niên cảm nhận sâu xa mùi vị chua chát của thói đời và mọi sự vô thường của nhân thế. Trong đầu Ngài nảy ý định thoát trần, nên đem hết của cải, đất đai nhường

lại cho bà con, rồi một mình tìm tới chùa Thừa Thiên ở Phúc Châu xin xuất gia. Tại đây được Hòa Thượng Chuyển Trần thọ nhận và dạy Ngài tu khổ hạnh với thầy Thụy Phương và cắt cử lo công việc lao tác trong chùa.

Đến năm 19 tuổi (1911) Ngài qua sống ở Nam Dương (Indonesia) trong thời gian dài 16 năm, đến năm 35 tuổi (1927) Ngài trở về lại chùa Thừa Thiên mới chính thức xuống tóc, lấy Hòa Thượng Thụy Phương làm thầy và được cho pháp danh Chiêu Kính, pháp tự Quảng Khâm. Sau khi xuất gia, Ngài chuyên tu khổ hạnh, ăn những thức ăn không ai thèm ăn, làm những việc không ai chịu làm, luôn luôn tọa thiền, chuyên tâm niệm Phật.

Năm 1933, (41 tuổi) Ngài thọ giới Tỳ Kheo và rồi xin Hòa Thượng Phương Trượng Chuyển Trần đi ẩn tu lúc 42 tuổi. Ngài một thân một mình với ít quần áo và hơn 10 ký gạo và nhắm hướng núi Thanh Lương đi tới. Nơi ấy, ở giữa sườn núi, Ngài tìm thấy một thạch động đủ rộng để tu tập. Động này vốn là nơi mà mãnh hổ thường lui tới. Thế nhưng, khi gặp hổ, Ngài chẳng hãi sợ. Ngài bảo cho chúng biết ý định muốn dùng động này để tu hành và khuyên chúng hãy tìm nơi khác. Lạ thay, hổ như hiểu ý Ngài, biết tiếng người. Ngài lại thuyết Tam quy y, hổ nghe rồi vẫy đuôi đi mất. Không lâu sau, hổ trở lại với cả bầy nào hổ mẹ, hổ con đùa giỡn gần gũi với Ngài. Bởi thế, người dân quanh vùng ấy sau này gọi Ngài là Phục Hồ Hòa Thượng.

Bây giờ Ngài ở sơn động hằng ngày tọa thiền, niệm Phật, chẳng bao lâu lương thực cạn sạch, Ngài bèn hái trái cây rừng để ăn. Trong núi, ngoài hổ còn có khỉ, vượn. Bọn chúng cũng thật lạ thay, thường hay đến động, lại đem cả hoa quả, cây trái lại cúng dường Ngài nữa! Ngài thường hay nhập định có khi lên đến tới vài tháng không ăn uống, không động dậy thân thể; thậm chí hơi thở dường như dứt tuyệt. Có người gần đây thấy vậy lầm tưởng cho rằng Ngài đã viên tịch, nên lập tức cấp báo đến Hòa Thượng Chuyển Trần để lo việc hỏa táng. May thay, lúc ấy có vị cao tăng là đại sư Hoằng Nhất ở chùa gần đấy, nghe được tin bèn cùng Hòa Thượng Chuyển Trần lên núi xem thực hư. Tới nơi, đại sư Hoằng Nhất biết Ngài đang nhập định, liền gõ ba tiếng khánh, đánh thức Ngài dậy từ trạng thái thiền định. Tin này lan truyền khắp nơi, khiến mọi người ai cũng tán thán. Tu như vậy được 13 năm, đến năm 1947, Ngài sang Đài Loan bằng thuyền và từ đó bắt đầu quảng đời hoằng pháp.

Năm 94 tuổi (1985) Ngài chủ trì đại giới đàn truyền giới cho 2500 vị Tăng, Ni và cư sĩ, đây có thể nói là pháp hội trang nghiêm vĩ đại nhất tại Đài Loan lúc bấy giờ. Tuổi đã gần trăm, Ngài vẫn sống rất đơn giản đạm bạc. Lời nói của Ngài bình dị, khiêm nhường, bước đi của Ngài vẫn vững chãi, không cần dùng gậy chống, không nhờ người dìu đỡ. Thân thể Ngài vô cùng nhẹ nhàng linh hoạt, động tác thanh thoát. Ngài vẫn lập hạnh ngũ ngò, không nằm. Lúc nào Ngài vẫn ngồi ngoài vườn lộ thiên tĩnh tọa mỗi đêm. Ngài luôn dùng trái cây nhưng bây giờ phải cần xay nhuyễn thành chất lỏng cho dễ dùng.

Tết nguyên đán năm 1986, Ngài triệu tập tất cả đệ tử xuất gia lại để phú chúc và phân phối hậu sự. Ngài chỉ bảo việc hỏa táng, phân chia linh cốt tại Thừa Thiên tự, Quảng Thừa Nham và Diệu Thông tự (do Ngài lập tại Đài Trung và Cao Hùng), đồng thời trả lời mọi nghi vấn của tín chúng. Sáng mùng bốn Tết Ngài gọi tất cả đệ tử cùng đại chúng lên điện niệm Phật. Ngài lại nói chuyện một cách thông dong tự tại với các tín đồ đệ tử; tinh thần vô cùng sáng suốt và lạc quan như không có chuyện gì xảy ra.

Ngày 13 tháng 2 năm 1986 - Mồng năm Tết, Ngài ngồi xếp bằng nhập định, tinh thần chẳng chút dao động, rồi dạy các đệ tử đồng thanh niệm Phật. Vào lúc 2 giờ chiều cùng ngày, Ngài bảo đại chúng “ Vô lai vô khứ, một hữu sự” (chẳng đến chẳng đi, chẳng có việc gì), rồi nhìn đại chúng gật đầu, mỉm cười. Một lát sau, đại chúng thấy Ngài ngồi yên bất động liền đến bên quan sát kỹ mới hay Ngài đã an nhiên theo tiếng niệm Phật mà viên tịch, hưởng thọ 94 tuổi (Trích trong sách “ Cẩm nang tu đạo” của H.T Quảng Khâm, do chùa Linh Sơn Brisbane ấn tống năm 1998, không thấy ghi tên người dịch. Xem thêm sách: Một đời vị cao tăng: H.T Quảng Khâm, do Tịnh Tông Học Hội Úc Châu – Queensland, ấn tống năm 2001(tiếng Hoa).

Xem đó đủ biết qua hai chuyện vãng sanh của một vị nam Phật tử lão niên sống thọ 100 tuổi tại Úc năm 2009, và vị cao tăng sống thọ gần 100 năm (Đài Loan 1986) dứt hơi thở ra đi rất nhẹ nhàng thanh thoát, nhất là vị tăng đi lúc tiếng niệm Phật đang tiếp diễn của chư tăng, thật quả là nhiệm màu khó diễn tả!

III – Ác nghiệp hành hạ thân tâm:

Những trường hợp vãng sanh như trên rất là hy hữu, đó là hoa trái kết nên của những thiện nghiệp mà người đã dốc lòng làm trong đời này, cho ta rõ để học hỏi, noi gương tu hành tạo duyên Tịnh độ giải thoát. Thế nhưng, có nhiều người dặt dựa muốn chết không được mà muốn sống cũng không xong là do nguyên nhân nào? Vấn đề nhân quả rất là sâu rộng vô cùng, ở đây ta thử nêu ra 5 trường hợp người sắp chết bị khảo đảo hay đày đọa vô cùng đau đớn rên la thảm thiết như:

1) Những người làm nghề đồ tể mổ xẻ những con vật sống lấy máu thịt chúng để mưu sinh, khiến chúng chết dấy dựa rên la cầu tha mạng; người này vẫn nhẫn tâm giết chết.

Cho tới khi ngã bệnh, con bệnh cứ bị hành hạ như có ai cầm dao cắt cổ mình giẫy nẫy, than khóc đau khổ rên la kêu cứu; miệng xùi bọt, tay chân cào xé lung tung, đang nằm trên giường bệnh tự nhiên rớt xuống đất, thấy có lính tráng dữ dằn rượt theo bắt trời v.v... Bệnh nhân cứ nằm thở thoi thóp đó, nếu có ai biết chuyện khuyên thân nhân đem con dao và cái chậu tới, giống hệt như cảnh lúc còn khỏe mạnh y đã hành xử loài súc vật. Và cũng dùng dao để lên cổ bệnh nhân giả cắt họng vậy rồi diễn ra một cảnh tượng hãi hùng, người bệnh la rống như bò heo trong đau đớn nhắm mắt tắt thở lia đời.

2) Người phạm tội nghịch chửi cha, mắng mẹ, bất hiếu, lúc nằm trên giường bệnh thấy bị hình phạt tra tấn, bỏ vào vạc dầu sôi sùng sục, hoặc bị ngục tốt dùng đinh ba cào máu tội nhân phun máu kêu la thảm thiết vô cùng. Bệnh nhân nằm rên la dặt dựa, bốn bề cảnh dữ tợn hiện hình, thần chết chờ bắt tội nhân giải ngục.

3) Kẻ gây tạo ác nghiệp hiện đời hay đời trước, tùy theo hành vi đã tạo mà thọ báo khi thân thể lâm trọng bệnh. Bệnh kéo dài trải qua nhiều năm phải mổ xẻ nhiều lần. Mỗi lần mổ là một lần hành xác khiến thân thể yếu đuối và tâm thức dần lụn tàn không còn nhận ra được người thân nữa. Nằm liệt trên giường không tự kiểm soát được ngay cả đại tiện, tiểu tiện, bệnh nhân hành khổ nhiều người, đến đổi người thân lâu ngày thành mệt mỏi, cũng chán nản muốn cho người bệnh chết đi cho đỡ khổ. Thế nhưng ác nghiệp quá sâu dày nên con bệnh cứ nằm đó chịu đau đớn để trả báo.

4) Người ưa chửi rủa, mắng nhiếc, thề độc... lúc lâm bệnh hay ngơ ngác ngác, nằm cứ nhìn thẳng lên trần nhà như thấy có ai tới vả vào mồm, cho ăn những thứ bất tịnh, tanh hôi không thể chịu nổi. Có khi bệnh nhân nằm coma – hôn mê bất tỉnh – cho dù có ai lay gọi kêu tên cũng không hề hay biết. Ăn uống không được, môi cổ khô rang, tương chết hiện ra nhiều lần mà người bệnh nào đâu có để tắt hơi thở được. Thật không còn cảnh đau khổ nào hơn!

5) Kẻ cho vay nặng lãi, hối lộ, tham nhũng... cứ lầm tưởng việc của mình làm không ai biết. Nhưng đương sự quên rằng, lưới trời lồng lộng hầu như bủa khắp làm sao lọt khỏi được; chỉ có thể qua mặt được luật pháp thế gian mà thôi. Bệnh nhân nằm há mồm, cởi bỏ quần áo, ưa lâm nhấm trong miệng như mắng đuổi người nào. Y rên la, than khóc cầu cứu, bị người ta vây đòi nợ, dẫn tới cửa quan, bị tù tội... khiến bệnh nhân hốt hoảng xin tha.

Hẳn những cảnh khổ ở thế gian còn rất nhiều, như trường hợp tội gian dân cướp đoạt vợ hay chồng người, bị tù tội, gia đình tan nát, con cái bơ vơ sống nhờ người thân hay Bộ An Sinh Xã Hội giúp đỡ. Những tin tức nhan nhản trên báo chí, truyền hình, mạng truyền thông v.v... chuyển tải, loan tin những việc phạm pháp mà nạn nhân phải bị đủ loại khổ hình ngay trong đời này, đâu còn phải đợi sa xuống cảnh giới địa ngục mới phải chịu tội. Những cảnh khổ ở viện dưỡng lão, viện tâm thần, nơi các nhà thương cũng giúp cho người đời rất nhiều để sửa đổi ba nghiệp thân, khẩu, ý của mình đừng gây thêm nghiệp ác hầu tránh những hậu quả đau đớn, nhất là vào cuối đời trong lúc thân vương mang bệnh.

Ở đây chỉ nói về các chứng bệnh mà chưa đề cập tới những tật nguyên của con người trần thế do bẩm sinh di truyền hay do tai nạn gây ra như câm, ngọng, đui, điếc... Thân thể không vẹn toàn nhất là một trong thân căn: mắt, tai, mũi, miệng, lưỡi, tay chân khuyết tật là một nỗi đau khổ triền miên theo con người suốt chiều dài cuộc sống. Mãi cho tới khi chết con người bất hạnh vẫn còn bị ám ảnh lưu lại hậu quả cho người thân. Đó là một cảnh xử phạt vô hình thật là đắt giá cho những hành vi bất thiện mà chúng sanh không biết cứ ngang nhiên gây nhân xấu để đưa lại hậu quả vô cùng tệ hại này.

IV – Làm thế nào hoán chuyển nghiệp lực?

Nghiệp lực không cố định nên con người có khả năng hoán chuyển được, như chuyển nghiệp nặng thành nhẹ, nghiệp nhẹ thành không như pháp Từ Bi Thủy Sám có ghi rõ. Muốn hoán chuyển được nghiệp nhân xấu ác, điều tiên quyết hành giả phải:

1) Tin sâu lý nhân quả không hề sai một mảy may, và nỗ lực tinh tấn tu hai môn phước và huệ không lui sụt; luôn luôn niệm Phật, tham thiền, cũng như tham gia các việc từ thiện xã hội, in kinh ấn tống, đúc chuông, tô tượng, phóng sanh.

2) Hoan hỷ thấy người khác làm thiện: việc ta không làm được mà người khác làm nên chia sẻ bằng cách tùy hỷ tán dương; xem như chính mình làm vậy. Tâm hoan hỷ, khuyến khích trợ duyên cho người tiếp tục làm việc cứu giúp kẻ yếu thế cô, và việc làm cần thiết giúp đẩy mạnh làm thẳng hoa cuộc sống; đẩy lùi mọi ý nghĩ hành động tiêu cực, trong việc xây dựng một xã hội an lành hạnh phúc.

3) Dẫn thân vào đời làm việc thiện như một chiến sĩ vô danh không cần ai biết đến; cũng chẳng nghĩ lời cảm ơn mà tự nguyện làm như cho chính bản thân với niềm vui

thật sự. Đó là một cách trực tiếp đóng góp hữu hiệu vào việc xây dựng con người trong môi trường xã hội của hôm nay và ngày mai.

4) Tự làm việc thiện ích và khuyến khích người khác làm. Như vậy việc thiện được nhân lên gấp đôi. Như thấy người khác làm được nhiều việc lợi ích cho nhiều người lại đâm ra lo lắng bất an, rồi tìm cách ngăn chặn không cho tiếp tục. Như thế là người có tâm không tốt. Trái lại, chính ta làm việc thi ân cho người càng nhiều càng tốt; đồng thời cũng khuyến khích người cùng chia sẻ bằng cách tham gia công việc từ thiện để đem lại sự lợi lạc cho nhiều người có được đời sống an vui trong hiện tại.

5) Học hạnh Bồ Tát: Bồ Tát là những người nghĩ tới hậu quả trước khi gieo nhân, thi ân không cầu báo, âm thầm hy sinh góp phần làm đẹp cuộc đời, cải thiện nhân sinh mà vẫn quên mình như gương hạnh của Ngài Phú Lô Na (Purna): thuyết pháp vô úy, không sợ ngay cả cái chết. Đây là chuyện có thật. Đức Phật hỏi Phú Lô Na, chuyện gì xảy ra, nếu Thầy đến xứ Du Lô Na giáo hóa mà người dân ở đó không nghe hay giết chết Thầy nữa thì sao?

Vì Đức Thế Tôn biết xứ kia dân tình xưa nay vốn hung dữ mà ai cũng biết, những đệ tử thượng túc của Phật không vị nào dám tình nguyện tới đó hóa độ mà chỉ có Phú Lô Na, làm sao Phật không lo ngại được. Phú Lô Na trả lời Phật một cách mạnh dạn rằng: “Nếu điều ấy xảy ra thì con rất cảm ơn họ (dân Du Lô Na) vì giết chết sắc thân này của con, tức là họ giúp con hoàn thành đạo nghiệp, giúp đưa con vào cảnh giới Niết Bàn. Điều chẳng may nếu việc này xảy ra đối với con không phải là điều chướng ngại, nhưng đáng tiếc là con chưa kịp làm gì để giúp cho họ mà thôi” (Theo 10 vị đệ tử lớn của Phật của H.T Tinh Vân do cư sĩ Hạnh Cơ dịch, Chùa Liên Hoa California – Hoa Kỳ, ấn tống năm 2005).

Câu trả lời như thế nêu bật tâm hạnh Bồ Tát đầy từ bi và trí tuệ. Nếu bị hại xác thân không tiếc, nhưng chỉ tiếc là chưa kịp làm gì để giúp ích cho mọi người được lợi lạc an vui. Bồ Tát ngoài từ bi, trí tuệ, còn có dũng lực kiên cường, nếu thiếu nó không đạt hạnh nguyện rốt ráo, tức hạnh thí vô úy, không hề sợ sệt nao núng bất cứ gì.

Tóm lại, như người thiếu tâm bao dung, tha thứ hẳn không thể cứu giúp người và các loài vật khác được. Cái tâm ích kỷ cố chấp đã là nguyên nhân ngăn chận lối, chặt đứt nhịp cầu cảm thông giữa con người và mọi loài khác. Người Phật tử nên mở rộng tâm từ bi, lợi tha mới mong tự cứu mình ra khỏi đường ác, và giúp đưa chúng sanh tới bến bờ thanh lương giải thoát. Đó là lý tưởng và đồng thời cũng là tâm nguyện của những ai thiết tha vào đời như một hành giả tiên phong cứu khổ trừ nguy.

Sa môn Thích Bảo Lạc

Viết xong ngày 25/03/2010

Tu Viện Đa Bảo, Campelltown.

Sách Tham Khảo:

- *Cẩm nang tu đạo của H.T Quảng Khâm, bản dịch không thấy đề tên người dịch, do chùa Linh Sơn Brisbane ấn tống năm 1998.*
- *Mười vị đệ tử lớn của Phật của H.T Tinh Vân do cư sĩ Hạnh Cơ dịch, chùa Liên Hoa – California, Hoa Kỳ, ấn tống năm 2005.*

- Một đời vị cao tăng: H.T Quảng Khâm (chữ Hán), do Tịnh Tông Học Hội Úc Châu – Queensland, ấn tống 2001.



Phật Đản Sanh và bí mật của con người!

Từ khi Phật xuất hiện thế gian rồi nhập Niết Bàn, từ đó đến nay nhân loại đã không còn tìm thấy một bậc siêu nhân nào khác; ngoài những con người của muôn thuở đầy tập khí tham, sân, si. Điều gì đã làm Ngài trở thành siêu nhân? Là sự thanh tịnh, từ bi và trí tuệ. Điều đó đã được công nhận Ngài là bậc siêu nhân.

Ý nghĩa siêu nhân còn được hiểu là tri thức vượt lên tri thức, vượt lên hết thầy mọi phạm trù tri thức hay đạo đức thế gian.

Nhưng rồi con người vẫn không tránh được thắc mắc, đặt ra nghi vấn; tại sao số người trên thế giới, tin Ngài, hiểu Ngài cho đến nay không hơn mười phần trăm dân số toàn cầu*. Hỏi tại sao tín đồ theo đạo giải thoát ít như vậy, mà cho Đức Phật là siêu nhân, là bậc nhất của nhân loại?

Vâng, người ta có quyền nghi vấn, và chúng ta chỉ tạm hiểu rằng; Ngài được ví như loài đá quý hiếm, không thể tìm thấy được một loại đá quý thứ hai; và dù có những loài đá quý tương tự cũng không được nhiều; trừ khi phải chờ đợi thời gian,

một thời gian thật dài, hay phải cố công tìm kiếm khắp nơi, thì số đá tương tự mới tăng lên được phần nào.

Đó là ví dụ theo nghĩa đen, dùng vật vô tình biểu trưng thay thế. Hiểu nghĩa cụ thể là sự thanh tịnh vô vi, đó chính là do giáo pháp của Như Lai, ngược lại dòng chảy của thế gian, của luân hồi nghiệp ái. Thế gian sống chìm trong ái dục, không phải từ thời Đức Phật đến nay, mà nghiệp ái đã có từ vô thủy; hơn

thế nữa nghiệp ái đó đã xây dựng kiến trúc thành một thế giới Ta Bà ái dục này.

Vậy câu hỏi tại sao người ở thế gian hiểu đạo giải thoát quá ít đã được trả lời. Và có lẽ số người hiện nay tin hiểu Phật Giáo, nếu không nói được như vậy đã là nhiều lắm. Thử nghĩ xem, thế giới đang trên đà văn minh vật chất, con người càng lúc càng hưởng thụ, thì việc một phần mười dân số trên thế gian, còn biết suy tư chấp nhận luân hồi sinh tử, vô thường nghiệp báo của nhà Phật, đó là việc hiếm quý, chúng ta khó đòi hỏi hơn nữa.

Điều mà chúng ta nên suy nghĩ cụ thể, thay thế những thắc mắc vấn đề người hiểu Phật pháp ít hay nhiều, là giáo lý của Như Lai. Chính giáo lý giải thoát tự nó đã đi với con người từ vô thủy; nhưng vì con người vô minh vọng thức điên đảo, đã không nhận ra. Con người phải chờ một bậc siêu nhân nhận ra điều đó. Nhưng ngay cả đã có bậc siêu nhân rồi, con người vẫn còn chưa thể nhận ra cho rõ. Cho nên không phải là việc dễ dàng thâm hiểu giáo lý giải thoát của Như Lai.

Thế thì điều quan trọng hơn nữa để tư duy suy nghĩ, là có cái gì đó bí mật nơi giáo lý của Ngài? Và cũng là bí mật của chúng ta, những người đang là hình ảnh của quá khứ, trước khi hiểu biết Ngài, và sau khi Ngài nhập diệt hơn hai mươi lăm thế kỷ.

Chúng ta thử tìm hiểu xem!

Tạm tìm hiểu có bốn bí mật, để suy nghĩ về nhân duyên hình ảnh của Đức Phật, đối với chúng sanh mang lớp hình người.

1- Con người đã luân hồi sinh tử từ vô thủy đến nay!

2- Thế gian này có một siêu nhân, xuất hiện cách đây hơn 2500 năm mà ta không biết hoặc biết mà không hiểu.

3- Chính ta sẽ thành vị Phật tương lai, điều này ta càng không bao giờ biết, vì ngay lúc này ta còn chưa tin mình có thể thành Phật tương lai!

4- Thật bí mật, vì trong người chúng ta lúc nào cũng có chất Phật; chất Phật là chất giải thoát, giác ngộ thanh tịnh, không tham, không sân, không si.

1- Con người đã luân hồi ...

Từ xưa đến nay con người thường nhận định, thế giới vũ trụ luôn luôn là màn bí mật khổng lồ, cũng như tất cả vấn đề còn hoài nghi, thắc mắc, chưa tìm hiểu, chưa khám phá được đều trở thành bí mật! Vâng đó là tất nhiên, và cứ thế sẽ không bao giờ khám phá được hết bí mật, thuận theo tham cầu muốn biết của nhân loại.

Nhưng khám phá để làm gì? Để giải quyết sinh tồn? Giải quyết sự cải cách, tiến bộ, với kết quả là thăng hoa nhu cầu đời sống! Thừa thật đúng như vậy.

Tuy nhiên, thành thật thừa rằng, chẳng giải quyết được gì cho lắm, nếu quan sát sinh hoạt nhân loại hiện nay. Hiện nay trên thế giới vẫn còn rất nhiều người khổ, tất nhiên khổ về vật chất, thiếu ăn thiếu uống. Còn khổ về tinh thần, phải khẳng định

rằng sẽ chẳng bao giờ giải quyết được, nếu con người cứ mãi cố chấp sống theo truyền thống cố hữu, theo tập khí bản ngã của mình là Tham, Sân, Si.

Thế thì phá vỡ màn bí mật của vũ trụ để làm gì, khi màn bí mật tự ngã bản thân còn đóng kín! Đau xót hơn, màn bí mật của ta, đã không chịu khám phá, lại càng ngày càng đóng kín thêm. Đã đóng kín từ trước thời Phật rồi sau thời Phật nữa!

Đã biết bao người khôn ngoan thức tỉnh, sớm khám phá bí mật này, nên được gọi là chư vị Thánh nhân đắc đạo giải thoát. Họ đã vâng lời Phật dạy không cần phải hoài bảo xây dựng lâu đài trên cát, trên nước, để rồi kết quả chỉ là muôn thuở trong thất vọng buồn đau.

Hiểu như vậy, nhưng tuyệt đối chúng ta không bao giờ phủ nhận sự tương quan, hỗ tương trong đời sống thế giới vật chất này; tuy nhiên chúng ta cũng không phủ nhận lòng ham say không chịu dừng lại ở nơi con người, đã khiến mang đến con người nhiều nỗi bất hạnh, không an lạc. Con người quên rằng, hay chưa biết rằng bởi tính liên hệ, hỗ tương, nhân quả cho nên không thể có vật gì tồn tại mãi, kể cả sự suy nghĩ thế này thế kia. Cho nên bí mật là bí mật ngay ở con người, qua thế hệ này sinh ra rồi chết đi, lại tiếp thế hệ sau không ngừng nghỉ.

Do tham, sân, si nên con người bị chính mình lừa gạt, không chịu nhìn nhận mọi hiện tượng vật chất trên thế gian, toàn là vay mượn kết nối nhau để sinh tồn. Chính bản thân con người, là một sự vay mượn khổng lồ mới sống còn được. Lấy một cá nhân chiêm nghiệm tư duy xem! Bản thân của ta có thể độc lập, không nhờ cậy ai mà có thể sống được? Giá như mỗi người đều tự tách rời cô lập không ai nhờ ai, thì thế giới này sẽ chìm trong biển chết; nên văn minh sẽ dần biến mất mà không cần phải bom đạn chi cả. Vì tự mọi người sẽ đấu tranh tìm cách sinh tồn, bảo vệ bản thân bỏ mặc tất cả; như vậy người nào yếu kém không khả năng tự lập, sẽ sớm tự diệt trước tiên!

Thế giới như vậy tất nhiên không bao giờ xảy ra, và nếu xảy ra thì thật bất hạnh cho con người sống trong thời đại văn minh vật chất của thời buổi đó. Thế thì hiện nay con người quả thật là hạnh phúc, cộng hưởng hòa nhau mà sống. Nhưng nhiều khi con người tưởng rằng mỗi cá nhân có thể độc lập được, có thể sống không nhờ người khác; cho nên ngã mạn tự cao tự đại, cho mình đã đang sở hữu một thế giới độc lập! Điều đó là cụ thể của tánh tham, sân, si lúc nào cũng hiện trong tâm niệm mỗi người; và buồn thay đó chính là cuộc luân hồi, bị tham sân si buộc kéo.

Như thế từ vô thủy đến nay con người đã sống rồi chết, chết rồi sanh lại không ngừng, cho nên mới nói sinh tử luân hồi trở thành bí mật, vì không hiểu do đâu mà ra.

2- Thế gian này có một siêu nhân...

Khi hiểu luân hồi sinh tử, có nghĩa đã hiểu phần nào giáo lý của đấng Toàn Giác, nhưng chỉ hiểu như vậy, mà không thay đổi tư duy cách sống, cho nên nhận định sự xuất hiện của Đức Phật cũng chẳng khác mọi hiện tượng xuất hiện ở thế gian. Điều này đã không thấy được sự thật, còn khép kín sự thể để trở thành bí mật thứ hai. Đâu biết rằng bí mật thứ hai vô cùng quan trọng, vì không mở được bí mật này, thì tất cả mọi hiểu biết còn lại, dù hiểu biết giáo lý đi nữa, cũng chỉ là khách sáo, ca tụng rỗng không mà thôi. Tại sao? Bởi vì nếu có giáo lý mà không có người chứng đạo thì giáo lý đó không còn thực tế hữu dụng, hay không thể giới thiệu đến nhiều người.

Nếu nói kinh sách Phật đã dạy, ta cứ thực hành theo tức sẽ thành tựu. Xin thưa, ta phải lúc nào cũng nương vào hình bóng, tự nhắc nhở một sự kiện chân thật, có một

vị Phật duy nhất chưa từng có vị thứ hai trên đời này. Chính việc tự luôn nhắc nhở và kính lễ tri ân Phật, ta mới có được năng lực định lực, nỗ lực tinh tấn công phu. Đó cũng là nhân quả hướng về Phật pháp, hướng đến tương lai thành Phật; ngược lại ta sẽ xem thường, và sự kiện Phật xuất hiện cũng chỉ là bí mật chưa từng khám phá.

Như thế rõ ràng, ta chưa thật sự hiểu biết một đại sự nhân duyên hy hữu có Phật ra đời. Do đó dù kinh sách lời Phật dạy vẫn còn, nhưng ta thường rơi vào vọng tưởng hay ảo tưởng; một trong nhiều vọng tưởng nghĩ rằng, dễ dàng thành Phật, bằng cách suy nghĩ dễ dãi cho rằng Phật tại tâm, Phật là thanh tịnh vô nhiễm! Nhưng chẳng biết rằng đó chỉ là lý tưởng từ lâu, mà ta vẫn chưa thực hành, chưa một kinh nghiệm thể nhập an lạc trong Phật tâm giác ngộ. Vậy thì dè dặt hạ mình thận trọng trên đường học Phật là kính lễ Thế Tôn cho đến muôn đời, cho đến thành Phật, đó là hiểu rõ chân lý thế gian có Phật, đó cũng là thấy được bí mật thứ hai này.

3- Chính ta sẽ thành vị Phật tương lai...

Bí mật thứ ba ta sẽ không ngờ, lại ít khi dám nghĩ, ta sẽ thành Phật tương lai. Bí mật này thật là bí mật; nhưng lại không còn bí mật gì cả, vì chính Đức Phật đã nói: *Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành.* Vậy chẳng phải luận bàn chi nữa. Cụ thể hơn, Kinh điển Phật thường kể về tiền thân kiếp trước của Ngài, hành Bồ Tát đạo với vô số hình dáng chúng sanh, từ người cho đến thú; cho nên bí mật này tưởng rằng khó hiểu kỳ thật dễ hiểu hơn.

4- Thật bí mật...

Bí mật cuối cùng đó là Phật tánh, đây là bí mật khó nhất trong bí mật. Ta có tin bí mật này ta mới tu hành thành Phật, dù ta thường nghe kinh dạy: *Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành;* nhưng vì tập khí tham, sân, si, làm cho ta không thể chấp nhận, không thể tin được ta đồng thể thanh tịnh với chư Phật. Do đó mọi phước báo tu thiện, thậm chí có công phu tu hành tinh tấn, ta vẫn không dám nghĩ mình đầy đủ chất Phật trong tâm.

Đức Phật từng dạy giáo pháp của Ngài là chân lý, chân lý đó chính Ngài tìm ra; thời gian Ngài tìm được chân lý, trong khi hành Bồ Tát đạo, mang hình dáng con người. Nay Ngài thành Phật, chân lý đó vẫn y nguyên như vậy, nghĩa là tất cả vẫn là những gì của thế gian, không gian từ vô thi đến nay. Thế thì học Phật như chúng ta, là học chân lý của Bồ Tát đặc đạo; và nếu Bồ Tát đặc đạo từ chân lý, thì chúng ta sơ phát tâm theo tinh thần Bồ Tát, sẽ có đầy đủ tính thành Phật trong tương lai.

Khẳng định mà nói bất cứ ai cũng có thể thành Phật.

Như thế chất Phật là chất thanh tịnh giác ngộ của con người; và xưng tán Phật là xưng tán Bồ Tát đã thành tựu giác ngộ tuyệt đối.

Đó là vài bí mật mà người học Phật xưa nay, tưởng đã thông hiểu, nhưng vẫn còn chưa khám phá!

Chúng ta luôn hiểu rằng, người học Phật là làm theo lời Phật dạy, nhưng do không hiểu sự kiện Phật xuất hiện, là một bí mật tối quan trọng trong đời sống chúng sanh, nên thành dễ duôi xem thường không quá quan trọng; điều đó ảnh hưởng việc dụng công tu hành chứng đạo.

Tóm lại phải hết sức hiểu rằng, mục đích Phật xuất hiện cõi nhân gian, là bí mật vô thượng đã được khám phá; do đó phải vô cùng trân quý tìm hiểu. Được như thế, chắc chắn tin rằng, trong tâm chúng ta sẽ luôn sinh hoan hỷ, sẽ được niềm vui vượt khỏi thế gian, sẽ tạo cho ta một đời sống ý nghĩa, trước khi thành tựu giải thoát.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Phổ Huân.
Phật Đản năm Canh Dần - 2010

* Theo mạng điện toán: www.numberof.net As of July 2009, there are about 396,539,366 Buddhists around the world. This is based on data from the 2010 CIA Factbook. 5.84% of the world's population are Buddhists. Most number of Buddhists are from China while Mongolia has the greatest percentage of Buddhists in its population.

Tính vào khoảng tháng 7 năm 2009, có chừng ba trăm chín sáu triệu, năm trăm ba chín ngàn, ba trăm sáu mươi sáu Phật tử khắp thế giới (396,539,366) . Đây được căn cứ theo số liệu từ CIA Factbook 2010. Cho biết dân số Phật tử trên thế giới là 5.84 %. Và đa phần số Phật tử sống ở Trung Hoa, trong khi Mông Cổ số phần trăm là cao nhất.



Nhận đau khổ và cho hạnh phúc

Hầu như chúng ta may mắn được chỉ điểm tham ái như là những vấn đề lớn nhất của đời sống. Khi đề cập đến việc xấu ác, ma quỷ v.v... đó là xấu ác nội của tham ái mà ta đang bàn đến. Dù trải qua nhiều đời ta đã rong ruổi với cả khối vấn đề, nên không có bất cứ gì ở ngoài để đổ lỗi trách móc. Vì thế, chúng ta nên vui hưởng những gì có được để cuối cùng xác nhận nguyên nhân gây ra mọi khổ đau hoàn toàn ở bên trong.

Con người quả thật ngu muội, cho rằng mình ở trong một ngôi nhà cũ đầy ma quái nơi ấy có vài người bạn ở chung. Ban đêm lúc về khuya ta đang xem chương trình kinh dị trên truyền hình, bỗng nhiên một trong những bạn ta nói: “Đừng xuống dưới hầm ấy, vì có ma ở đó”. Thế rồi, nếu phải xuống tầng hầm, ta cảm thấy ớn lạnh nói: “Thật sự có ma ở dưới đó”. Ta cứ dễ dàng đứng vững đó vì tin nhầm. Đây thật là điên khùng . Không có việc như thế - việc xấu ác ở bên ngoài và sợ đó chỉ giản dị là một hồi ức - việc xấu ác nơi tâm ta. Nếu bạn cứ nghĩ tới chắc tâm tin nhầm của mình nảy sinh một vài việc; và rồi từ không sợ bây giờ bạn cảm thấy sợ. Mọi sự rồ dại như thế do từ tham ái mà ra.

Vì vậy, cuối cùng ta nhận thấy rằng những việc tiêu cực như ma quỷ, kẻ thù, xấu ác hay bất cứ gì khác thường hay xảy ra trong câu chuyện hằng ngày, khoa học hay tôn giáo – ma

qui từ nơi tham ái và - mạnh dạn chuyển tham ái của ta qua mỗi quan tâm người khác, là cả hai đều sáng suốt và tuyệt vời.

Có rất nhiều sinh vật sống trên mặt đất, nhưng rất ít ai biết về sự trao đổi giữa mình với người khác. Sự thực tập này hẳn rất khó, nhưng nó rất có giá trị. Bạn có thể áp dụng xem, nó giúp giải quyết mọi vấn đề (rắc rối, phiền não) của bạn. Thay đổi cách nhìn bên

ngoài bằng cách này hoán chuyển được bất cứ cùng khôn nào bạn biết hướng tới lộ trình an lạc giải thoát.

Chúng ta cần một phương pháp cực vi như thế này: Đời là khổ, tâm ta thì yếu đuối. Trao đổi giữa ta với người khác chính là cuộc cải đổi cách mạng nội tâm mà không có gì để làm thay đổi bề mặt bên ngoài, hoàn toàn quay vào thái độ tinh thần đảo ngược của ta.

Nếu bạn đã suy nghĩ rằng Phật giáo quá đơn giản chỉ tọa thiền tu tập quán tưởng, nên bạn từ chối nói: “Đầu gối tôi đau, thân tôi không tạo ra cho việc tu thiền này. Phật Giáo chỉ là việc của vị thầy ở Hy Mã Lạp sơn. Mặc kệ, tôi sống cần phải làm việc và cần săn sóc công việc đời sống của tôi”. Nhưng Phật Giáo Đại Thừa phong phú đa dạng hơn là chỉ việc ngồi thiền. Nếu thông minh ta có thể tu hai mươi bốn giờ một ngày.

Bất cứ lúc nào gặp khó khăn hay vấn đề gì khởi lên, thay vì cố gắng đè nấn; nên suy nghĩ: “buồn cười thật, nếu vấn đề này không khơi dậy, tôi đã không cảm thấy có vấn đề. Vấn đề chính là thầy tôi, tất cả mọi vấn đề là thầy của tôi. Chúng cho tôi tuệ giác và giúp tôi ghi nhận rõ ràng hơn bản chất của tham ái. Đây thật quá tuyệt vời. Cầu cho gốc mọi vấn đề của chúng sanh nung nấu tôi ngay bây giờ và nguyện cho họ nhận được công đức của tôi, may mắn và tuệ trí”.

Nếu ta thấy khó khăn nhận sự đau khổ của người làm của mình, trước hết chính ta phải tu tập. Tiếp theo, lúc ngồi thiền mà bị đau đầu gối, bạn chuyển sự đau đó vào bản ngã của mình và để nó biến đổi. Hãy để cho bản ngã biến đổi khác thường hơn nữa; và cần tu tập như thế trong một tuần.

Thế rồi ta thực tập chấp nhận là mọi khổ đau mà ta từng trải nghiệm ở đời. Bản ngã và tham ái không giống nhau, nhưng hãy để chúng tự biến đổi. Rồi chậm chậm, chậm chậm kéo dài sự tu tập của ta để nhận những sự đau khổ của cha mẹ, của bạn bè, của tất cả mọi người trong nước là của mình, và của những người trên cõi đời này, cho tới khi ta nhận được hết mọi vấn đề và sự đau khổ của tất cả chúng sanh trong vũ trụ. Không ngần ngại, thế rồi bạn cho hết những sở hữu hạnh phúc và công đức của mình cho người khác.

Kỹ thuật này phải thực tập ngay thiền nhận và cho mà người Tây Tạng gọi là “tong len”. Bạn đối chiếu nó với thiền theo dõi hơi thở, cái nào căn bản tốt hơn thiền một vòng 9 hơi thở sau đây: Bắt đầu bằng hơi thở ra qua lỗ mũi bên trái. Có thể thấy không khí ra từ ánh sáng trắng, khởi điểm là tất cả khả năng tích cực và trí tuệ của ta. Luồng ánh sáng trắng này tỏa đến mọi chúng sanh trong sáu cõi luân hồi. Nó đi vào mũi bên trái, dẫn vào tim và phát sinh hạnh phúc nơi chúng sanh. Có thể thấy không khí từ họ bốc lên trong đám khói đen ngịt khởi đầu là của sự phủ nhận, xáo trộn và đau khổ tận cùng.

Chuyển sự đen tối, ô nhiễm năng lượng này vào mũi bên trái rồi đưa xuống vào tim. Đừng để nó ra ngoài, hãy mang xuống ngay tim ta, vì thế bản ngã và tham ái của ta hoàn toàn biến đổi. Bản chất của tham ái là như thế khi phiền não sanh khởi, nó đẩy xa một cách âm thầm. Sự thực tập này huấn luyện cái tâm của ta vận dụng từ chối, cảm giác từ bi cho kẻ khác

để nhận khổ đau và những vấn đề của họ làm của chính mình, để đến lượt giúp ta vượt qua thương yêu ích kỷ và thương yêu kẻ khác hơn bản thân.

Hãy tập thở vòng ánh sáng trắng trên đây qua lỗ mũi bên phải và luồng khói đen qua trái ba lần. Rồi thở ra mũi trái, hít vào mũi phải ba lần. Sau đó thở ra hít vào hai lỗ mũi cũng ba lần. Vào cuối mỗi 9 vòng như vậy tập trung định trong một lúc lâu có thể ta và tất cả chúng sanh dứt mọi khổ đau hoàn toàn thanh tịnh, sự phủ nhận, tâm nhị trùng và giải thoát, trải nghiệm tình yêu thương lâu dài thâm nhập trọn vẹn nơi thân và tâm ta. Khi ta không để ý nên lập lại 9 vòng hơi thở nhiều hơn. Hãy lập lại cái vòng này nhiều lần trong suốt thời gian tọa thiền.

Đừng nghĩ rằng đây chỉ là một ảo tưởng và rằng tu thiền kiểu này không có gì khác sự khổ đau của ta và người khác. Ngay bây giờ đó là sự tu tập sâu sắc và mỗi lần như vậy ta và hết thảy chúng sanh sẽ đạt tới sự giác ngộ gần hơn. Sự phấn đấu lớn nhất để đạt Giác ngộ là thương yêu chính mình và nhận tất cả mọi khổ đau, nghiệp và si mê của chúng sanh, cho họ mọi hạnh phúc và công đức của ta. Đó là cách tốt nhất để vượt qua vương mắc yêu thương ích kỷ là thực tập thiền cho và nhận (tong – len) như vừa nêu dẫn.

Kết luận

Thế là chúng ta đã tới cuối khóa thiền ngắn ngủi như trong giấc mơ rồi. Để chắc chắn, vì vậy bạn đã hiến cho đại chúng năng lượng khám phá ra đúng bản chất tâm của mình làm lợi lạc chúng sanh trong không gian bao la, thời gian vô tận.

Trong suốt thời gian qua chúng ta cùng nhau trao đổi học hỏi cả hai phần phân tích và thực hành thiền. Thật là tuyệt vời nếu chúng ta tiếp tục thực tập như thế khi trở về nhà. Dĩ nhiên, như câu tục ngữ Tây Tạng nói rằng: “Thiền không nghiên cứu giống như người leo núi không tay”. Nói khác hơn, bạn phải thực tập thiền trong khi phân tích thiền. Với mục đích này, chúng ta nhắc bảo nhau nghiên cứu và thực hành những pháp thiền “quán niệm” (Lam-rim) giải thích những bước của tiến trình đạt tới giác ngộ.

Cũng như câu: “Văn ôn, võ luyện” giúp ta rất nhiều trong việc phát triển khả năng chuyên môn. Đó là phần thực hành, riêng về lý thuyết ta phải học kỹ thuật của những pháp thiền khác như: Theo dõi hơi thở với sự chú tâm về các cảm thọ qua thân thể; đeo đuổi theo dõi sự lắng quên; lắng nghe âm thanh bên trong lúc tụng ấn chú của Phật; gọi lại những trải nghiệm của đời ta; lui về dĩ vãng của giai đoạn khi ta còn trong bào thai của mẹ; thiền của sự làm thẳng băng; và trao đổi giữa ta với người khác bằng chuyện trò; pháp tu cho và nhận... như đã trình bày.

Đó là một trong những phương pháp mạnh mẽ để đánh đổi với tham ái. Qua những phần trình bày tôi đã cố gắng thực hiện giúp bạn một kinh nghiệm để làm sao cho hai bộ phận ngã và tham ái là gốc rễ của mọi vấn đề khổ đau mà các bạn và mọi người đã từng trải. Hai loại tâm này là kẻ thù tệ hại nhất của ta, nếu muốn tìm thấy tự do và an lạc thực sự, ta cần phải theo dõi không buông lỏng chúng mãi.

Vì vậy, nên dâng hiến đời mình để phát triển trí tuệ hiểu bản chất tâm và mong người khác được hạnh phúc. Công việc phải liên tục kéo dài nhiều năm tháng, không thể một sớm một chiều mà đạt được; cần đòi hỏi nhiều kiên nhẫn, bền chí để chiến thắng nội - ngoại chướng duyên đang tập trận bao vây cuộc sống chúng ta. Hãy cố gắng hết sức để tránh làm hại kẻ khác và khởi niệm bao dung nồng hậu với tất cả chúng sanh.

Nhận xét của dịch giả

Nhận và cho tuy nói dễ mà làm mới thấy không dễ chút nào. Bởi vì, chúng ta ai cũng có vấn đề, nên phải thật hết sức cố gắng theo phương pháp tu tập này để đạt tới thành tựu viên mãn.

1) Nhận về mình mọi thứ như thế có phải ích kỷ không?

Không Tử nói rằng “kỷ sở bất dục vật thi ư nhơn”, những gì mình không muốn, đừng nên cho người. Đó là tâm lý người đòi đều mong như vậy. Ở đây ngược lại, ta đón lấy những điều người ta không muốn về mình, cần phải đủ bản lĩnh mới làm được. Nói cách khác ta phải tích cực dũng mãnh với tâm kiên cường nếu không phải hạnh nguyện, cũng là lời kiên thệ mới có thể theo đuổi cho tới nơi chốn. Nhận tất cả phần dỡ, xấu, yếu kém, thua thiệt, hẹp hòi, bất hạnh... về mình; nhận những khổ đau, phiền muộn, bất an, thất bại, nghèo khó... của người thân về mình; xa hơn đón nhận những việc xấu, điều dỡ và những vấn đề khác của người trong nước; rộng hơn nữa ta sẵn sàng nhận tất cả mọi tệ hại, nghiệt ngã, áp bức... của hết thảy chúng sanh. Tâm còn hạn hẹp, phân biệt đối xử hẳn không thể và cũng không đủ khả năng nhận được như thế.

2) Cách cho hơn của đem cho nghĩa là gì?

Thông thường người ta có quan niệm rằng, người giàu có mới có đủ khả năng và điều kiện cho; thật ra không phải vậy. Người nhận cần thái độ cho của ta hơn món đồ. Ví dụ: Ta đến với người bất hạnh bằng việc thăm hỏi, an ủi, chia sẻ nỗi niềm của họ, có phải cao trọng hơn là cầm vài đồng tiền dúi vào tay họ rồi bỏ đi thẳng như muốn để cho khuất mắt. Ta nên học cách ban cho bằng thái độ ân cần, thân thiện và hiểu biết, hầu giúp an ủi rất nhiều cho người khác, cũng có khi nhờ đó mà hàn gắn được những vết thương tâm cho tha nhân vượt qua cơn biến động hay khủng hoảng. Cho nên người nghèo đến bực nào cũng dư thừa ban cho kẻ khác niềm vui và lẽ sống. đó mới là hạnh ban cho đích thực mà trong cuộc đời này nhiều người cần đến.

3) Có phải chỉ người tu thực hiện hạnh ban cho?

Không như thế thiết như thế. Bất cứ người nào trong xã hội thuộc mọi tầng lớp già trẻ, lớn bé hay giàu nghèo sang hèn biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác là thể hiện được cái tâm chia sẻ với tha nhân. Tuy nhiên, ngoài đời sống có nhiều tranh chấp, mọi người đang chạy đua vật lộn giành giật sự sống, một người hành hoạt hiểm hoi như thế phải là bậc chân nhân hay bậc Thầy của mọi người. Vì ai nấy chỉ lo săn sóc phần thể chất hơn là tâm linh. Chẳng hạn, mỗi ngày mọi người phải làm việc 8 tiếng, 10 tiếng hay 12 tiếng để phục vụ cái gì? Trong khi đó, ta chẳng tìm được giờ rảnh để bồi dưỡng cho đời sống nội tâm. Cho nên ta không có quyền bào chữa, đổ lỗi, trách móc ai cả. Có lẽ vì thế, nhìn sang lãnh vực tôn giáo nhiều người nhận thấy người tu có điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi hơn những người thường khác trong vấn đề thực hiện hạnh ban cho.

Vấn đề còn tùy thuộc nơi cái tâm và chí hướng của người thi hành có đủ năng lực quyết định hay không, mới là câu giải đáp trọn vẹn.

4) Cái gì hễ thuận theo dòng đời là tồn tại, còn đi ngược lại là bị đào thải, bạn đồng ý?

Tôn giáo sơ dĩ ra đời, phần nhiều là làm vô hiệu điều mê tín đã tồn tại lâu đời trong cuộc sống nhân sinh. Như đức giáo chủ Thích Ca Mâu Ni Phật đã không theo khuôn mòn của đời sống thường tục. Ngài từ bỏ cung vàng điện ngọc, ngôi vị đế vương, sống đời khổ hạnh của một người khát sĩ. Nhưng vóc dáng và chiếc bóng Ngài như mây trời, ánh sáng soi sáng lịch sử cổ kim nhân loại, còn vang vọng mãi cho tới ngày nay. Mỗi khi ta có dịp nhắc đến chuyện

vượt thoát vô tiền khoáng hậu của Ngài lúc vượt thành xuất gia tầm đạo; không những việc làm phi thường đó được ca ngợi tán dương mà chúng ta còn cần phải học hỏi, noi gương nữa. Vì đó là một hy sinh to lớn khó ai sánh kịp trong nếp sống đời thường ở thế gian này.

Ý nghĩa thuận như thế là do cái tâm giới hạn, mê chấp, tham ái không có tầm nhìn xa thấy rộng. Bởi lẽ, con người bị đóng khung trong lớp vỏ chật hẹp của thân xác nên phải bị trôi lăn trong vòng sanh tử luân hồi chưa biết hồi đầu trở lại.

5) Có khi nào bạn tự chiến thắng được chính mình?

Vấn đề này quá bao quát chung cho cả nếp sống đời thường và của những người sống đời sống đạo.

- Về đời thường, ta bỏ được những đam mê, thói quen xấu như: cờ bạc, hút xách, rượu chè, cà phê, ngủ dậy trễ, sắc dục... Đó là những cách tự chiến thắng và những nội chương như tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... phải cần trải nghiệm nhiều lần từ người thân tới người không thân, nếu ta giữ tâm không động là đạt kết quả.

- Đời sống đạo hạnh như bỏ tục xuất gia, cạo tóc, mặc nâu sòng, ăn chay giữ giới; không thân cận thế quyền, nhịn sắc diệt dục... của những nhà tu hành chân chính, đó phải nói là một sự chiến thắng khác.

Tất cả các pháp tu Thiền, Tịnh, Mật v.v... đều nhằm mục đích khuyến tấn hành giả tự chiến thắng lấy mình, chỉ có chiến thắng mình mới vẽ vang oanh liệt nhất, như lời Đức Phật chỉ dạy.

*Dịch xong ngày 24 tháng 4 năm 2010
tại Tu Viện Đa Bảo, Campbelltown – Sydney,*

Sông Thu

Source: “Taking Suffering and Giving Happiness” from the book “Ego, Attachment and Liberation” by Lama Thubten Yeshe. Boston, USA. 2006.

Hành hương đất Thánh

Hơn 30 năm trước, những tác phẩm Tam Quốc Chí, Thủy Hử ... và các chuyện dài Anh Hùng Xạ Điêu, Thần Đạo Đại Hiệp... đã vẽ đậm nét trong tâm hồn và trí óc chúng tôi về các cuộc du hành kỳ bí của chư vị Thánh Tăng chứng đạo, về đức độ của các bậc đại nhân quân tử và sự thâm sơn huyền bí của xứ sở Trung Quốc...

Mặc dù rất bất mãn về chánh sách bá quyền khắc nghiệt của người Trung Hoa, trong tôi vẫn có một sự hâm mộ về khung cảnh thiên nhiên, núi non hùng vĩ chứa đựng cả một sự bí ẩn, linh thiêng của đất trời, sông núi.

Những năm tháng nương tựa nơi đạo tràng chùa Pháp Bảo, Phật tử chúng tôi được Hòa Thượng Phương Trượng hướng dẫn tu tập, kiến lập cho bản thân mỗi người một

kiến thức căn bản về Phật pháp; về đức từ bi trí tuệ của bậc Đại Giác, và công hạnh tuyệt vời của Đức Bổn Sư.

Phật tử chúng tôi còn được Đại Đức trụ trì thường nhắc về vấn đề sinh tử, được nghe Thầy tán thán công hạnh cao cả của chư vị Thánh Tổ, khiến Phật tử chúng tôi luôn cảm niệm ơn đức Quý Ngài.

Lòng ngưỡng mộ của Thầy trò chúng tôi đã phát sinh ra đại nhân duyên cho chuyến hành hương tìm về Phật tích - chuyến đi Ấn Độ năm 2005 – và vừa rồi, chuyến đi Trung Quốc chiêm bái xá lợi Máu, Tóc và ngón tay của Đức Thích Ca Mâu Ni. Riêng xá lợi ngón tay của Phật, chúng tôi chỉ được nhìn ngắm bên ngoài vật chứa xá lợi, chứ không được xem trực tiếp nhìn thấy bên trong. Đó là vì hôm ấy, Thầy trụ trì vắng mặt nên không được phép chiêm ngưỡng tận mắt vậy. Tuy nhiên chúng tôi vẫn thấy an lòng thỏa

mãn, vì cảm nhận được vật linh đặng Xá lợi Phật.

Chúng tôi còn tìm đến tận đạo tràng và phần mộ của các vị Thánh Tổ, cùng là Đại Cúng Dường Thiên Tăng Hội để tỏ tấm lòng kính mộ và biết ơn của người con Phật – được có một pháp danh, được quy y Tam Bảo.

Chuyến hành hương kỳ thú và đầy ý nghĩa bắt đầu chuyến bay đi Ning Ba, khởi hành từ phi trường Quảng Châu. Sau đó chúng tôi chuyển qua một chiếc tàu chờ độ 100 người, hướng về Phố Đà Sơn.

Những bậc đá dẫn chúng tôi vào một nơi gọi là Phạm Âm động, ghi lại dấu tích của Ngài Quán Thế Âm thị hiện nhiều lần để dẫn dắt những người ngư dân tội nghiệp đang chơi voi trong cơn sóng gió bão bùng ngoài biển khơi mênh mông về được nơi chốn an toàn với gia đình.

Một bên là núi đá chập chùng, một bên là bao la biển rộng! Con đường dài đưa khách hành hương lần đến lưng chừng núi cao, là hình quen thuộc mà chúng tôi bước những bước hăm hở, hoan hỷ mỗi ngày trong cuộc hành trình 20 ngày đầy pháp lạc và đạo vị.

Lòng thành kính và ngưỡng mộ bậc Bồ Tát cứu khổ phò nguy khiến Thầy trò chúng tôi vô cùng xúc động, nên chúng tôi hiểu tại sao đã có các vị Tăng đã đốt ngón tay cúng dường Phật khi tâm lòng thành của quý Ngài đã được chứng ngộ bằng hình ảnh Đức Quan Thế Âm thị hiện một cách rõ ràng trên sóng nước tại Phạm Âm Động.

Mặc dù lòng lưu luyến không muốn rời xa, nhưng chúng tôi phải xuống núi để còn đi chiêm bái Pháp Vũ tự, ngôi chùa đã có từ 500 năm về trước; và là ngôi chùa lớn thứ hai, nơi Đại Sư Ấn Quang tịnh tu trọn 30 năm dài và viên tịch ở đây.

Nơi đây, xưa kia, ngôi đại tự trong giờ khai quang, đã rực sáng một màu vàng kim trong 10 giây giữa bầu trời đang âm u, khiến Thầy trò chúng tôi phủ phục kính lễ trong nghẹn ngào. Càng xúc động hơn, đại nhân duyên cho phái đoàn chúng tôi được Hòa Thượng trụ trì cho phép được vào Kính Lễ Ngài và bước vào gian phòng của vị Tổ Tịnh Độ thứ 13 – Ngài Ấn Quang – đã trụ xứ. Chúng tôi vừa xì xụp lễ lạy, vừa nức nở trong dòng lệ không thể ngăn được khi được chiêm ngưỡng các bộ y, bàn làm việc và chiếc giường ngủ đơn sơ mà Ngài đã nghỉ, hành trì và làm việc suốt 30 năm.

Sau đó chúng tôi được Thầy Tri Sự hướng dẫn đến Phổ Tế tự, ngôi chùa lớn nhất của Phổ Đà Sơn với sự tích lý thú về vua Càn Long đã giả dạng thường dân để ngoạn cảnh về đêm. Nhà vua không được lính canh mở cửa thành để vào cung, nên phải đến chùa Phổ Tế tự xin nghỉ qua đêm.

Ngôi chùa đẹp, lớn, rộng này đang tiến hành buổi cúng dường Thiên Tăng Hội do một gia đình thí chủ cúng dường. Chúng tôi được nhân duyên nhìn thấy tận mắt vài nghi lễ mà vài ngày sắp tới, chính phái đoàn hành hương của chùa Pháp Bảo là thí chủ cúng dường.

Chúng tôi được hướng dẫn đến Tử Trúc Lâm, một rừng trúc đẹp rất đặc biệt, và ngôi đền kỷ niệm hình ảnh Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện cứu vị Sư Huệ Ngạc dưới vực sâu của biển Nam Hải.

Sư Huệ Ngạc đã tìm được tượng Phật, là nhân duyên khiến Sư phải ở lại để tu trì và thờ phụng Ngài Bất Khẳng Khứ tại vùng biển Phổ Đà sơn mà không trở về quê hương Nhật Bản của Ngài.

Đi lần bên trong, tượng Quan Thế Âm được mạ loát bằng 10 ký vàng cao sừng sững 18 m, nét mặt dịu hiền, một tay cầm bình nước cam lồ, một cánh tay duỗi xuống như xoa dịu nỗi khổ đau triền miên của trần gian nhiều hệ lụy.

Đoàn chúng tôi đắp y áo nghiêm chỉnh, chấp tay thành kính, theo chân Thầy Phổ Huân và quý Sư Cô đọc tụng thần chú Đại Bi, đi ba vòng nhiều Phật. Để thương làm sao, tất cả các khách hành hương chung quanh cũng chấp tay đi theo chúng tôi thành hàng dài rông rần nhiều quanh đức Bồ Tát!



Trong khuôn viên chùa lát đá cẩm thạch đẹp và êm mát chúng tôi được chiêm bái Đức Bạch Y Quan Thế Âm bằng Bạch Ngọc đẹp sáng ngời cùng là vô số hình ảnh vạn Phật chiếu lấp lánh bên trong tháp.

Buổi chiều bắt đầu xuống, ánh mặt trời cũng đã nghiêng bóng, đoàn chúng tôi bước từng bước có chút nặng nề, trở về xe bus, trong khi từng đoàn người hành hương đông đảo, lại bắt đầu lên chiêm bái Thánh tượng.

Hòn đảo Phổ Đà sơn đã phủ trùm trong bóng đêm, làn gió se se lạnh thổi theo bước chân vui của khách hành hương đang dẫm lên con đường mà vua Càn Long đã đi ... Trí

tượng tượng đã đưa những hình ảnh kỳ bí và đầy thần thoại vào giấc ngủ êm đềm nơi đất khách!

Hôm sau chúng tôi đến chiêm bái ngôi chùa A Dục Vương đã tồn tại hơn 1700 năm. Ngày xưa, một vị vua Ấn Độ đã cúng dường ngôi chùa này để làm nơi tu tập của 1200 vị Tăng sĩ. Chúng tôi được lễ lạy xá lợi máu của Phật, được đánh lễ Phật A Di Đà và cùng rót dầu cúng Phật. Chúng tôi được nhắc nhở đến Thiên Thai Tông của Trí Giả Đại Sư, nơi chung quanh trồng loại tre đặc biệt, đốt tre rất dài, nhưng lá tre rất nhỏ trên chót vót ngọn đang lao xao rì rào trước gió tại vùng Ning Ba này.

Càng háo hức hơn, sau khi đi ngang làng Kế Hậu, nơi sinh trưởng, của Tướng Giới Thạch, chúng tôi đến chùa Tuyết Đậu của ngôi chùa 1600 năm được tân trang đẹp mắt với các đại sảnh rộng, thiết lập nhiều phòng thờ Phật, chư Bồ Tát chư A La Hán và chư vị Thánh Tổ. Trong sân chùa, hai cây đại cổ thụ vẫn sừng sững xum xuê từ 1500 năm cho đến nay.

Con mưa to đang trút xuống không ngăn được phái đoàn, chúng tôi đứng lặng chiêm ngưỡng pho tượng Đức Di Lặc hiện diện trên lưng chùng núi. Nụ cười nhân ái từ bi của Ngài đã sách tấn chúng tôi vững bước trên con đường hành hương hiểm trở nơi xứ sở của chư Thánh Tăng đã một thời chứng đạo!

Bóng chiều đã ngã dần, bao phủ Hàng Châu một màn mưa xám đục. Cảnh tiêu điều của buổi chiều mưa càng làm cho lòng người se sắt buồn, chạnh thương cho một mỹ nhân tài hoa bạc phận: Vương Thúy Kiều! Nơi nhịp cầu này, nàng đã trầm mình xuống dòng nước sâu thăm thẳm để mong kết thúc cuộc đời bạc mệnh long đong, nhưng nghiệp trần vẫn chưa dứt! Dòng trường giang ẩn hiện dưới làn mưa, làm nặng thêm nỗi u hoài trong lòng người viễn xứ.

*“Sóng gợn trường giang buồn điệp điệp
Con thuyền xuôi mái nước song song
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi một cành khô, lạc mấy giòng!”*

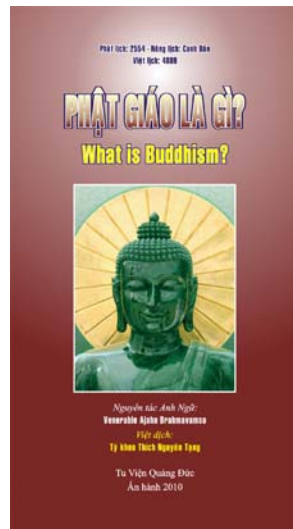
*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, chiều lên cao chót vót
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu!*

Tiếp nối dòng sông Tiền Đường mệnh mông, chúng tôi đi ngang Hồ Tây, nơi có chiếc cầu Hàng Châu chỉ dài 2m mà Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài đã bước đi một bước rồi lại dừng chân lưu luyến trong buổi chia tay não lòng!

Ôi nghiệp duyên đã đặt để con người vào những hệ lụy của cuộc đời, khiến chúng sanh mãi trầm luân trong biển luân hồi sanh tử!

Thế mới biết con đường giác ngộ giải thoát rất nhiều chông gai, đầy dẫy khó khăn mà chỉ có chuyển tâm và hành trì theo lời dạy của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni mới mong ra khỏi nhà lửa thế gian, như Kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”

(còn nữa)



Phật Giáo là gì ?

Nguyên tác Anh Ngữ:
Venerable Ajahn Brahmavamsa
Việt dịch:
Tỳ Kheo Thích Nguyên Tạng

Lời ngỏ: Hơn 2500 năm qua, tôn giáo mà ngày nay người ta gọi là Phật Giáo từng là nguồn cảm hứng chính yếu cho nhiều nền văn minh thành công, cội nguồn của những thành tựu văn hóa vĩ đại, và là một sự hướng dẫn lâu dài đầy ý nghĩa cho đời sống tâm linh của hàng triệu người. Ngày nay, có hơn sáu trăm triệu người trên thế giới đang sống và tu tập theo giáo lý của Đức Phật. Vậy Đức Phật là ai và giáo lý của Ngài dạy những gì ?

Đức Phật:

Ngài đản sinh vào năm 624 trước Tây lịch (trTL) có tên là Tất Đạt Đa Cồ Đàm (Siddhatta Gotama) vốn là một hoàng tử của một tiểu vương quốc ở gần biên giới Ấn Độ và Nepal ngày nay. Vị hoàng tử này sống trong cảnh xa hoa nhung lụa của một bậc vua chúa, nhưng không có một lạc thú vật chất nào có thể che giấu sự bất toàn của cuộc sống đối với người thanh niên ham hiểu biết sự thật một cách dị thường này. Vào năm hai mươi chín tuổi (595 trTL), Ngài đã rời bỏ cung điện để đi tìm ý nghĩa sâu xa của đời sống trong rừng núi hoang vu ở miền đông bắc Ấn Độ. Ngài đã học với các bậc đạo sư và triết gia thông thái nhất thời đó, nhưng các vị này không thể cung cấp những lời giải đáp mà ngài đang tìm kiếm. Sau đó ngài đã áp dụng pháp tu khổ hạnh khắc nghiệt nhất, nhưng ngài cũng không chứng đắc được gì cả.

Rồi vào năm ba mươi lăm tuổi, trong một đêm trăng tròn tháng Vesakha năm 589 trTL, ngài đã ngồi thiền định dưới cội Bồ Đề trong khu rừng Ưu Lô Tần Loa gần bờ sông Ni Liên Thiên (Neranjara). Dùng sự

trong sáng khác thường của tâm trí với trạng thái thiền sâu xa, sức mạnh trí tuệ được phát sinh trong trạng thái đó, ngài quán sát sự thật của tâm trí, vũ trụ và đời sống. Cuối cùng ngài đã đạt đến giác ngộ vô thượng và từ đó trở đi ngài được gọi là Phật (Buddha). Sự giác ngộ của ngài là trí tuệ bao quát và sâu xa nhất, thông suốt thật tánh của tâm trí cũng như vạn vật. Sự giác ngộ này không phải là một sự mặc khải do một đấng thiêng liêng nào đó ban cho, mà là một sự khám phá chứng nghiệm của chính ngài, có nền móng từ những giai tầng thiền định sâu xa nhất. Đạt đến giác ngộ có nghĩa là ngài đã giải thoát khỏi sự trói buộc của tham ái và vô minh, có nghĩa là ngài đã giải trừ được mọi hình thức đau khổ và đạt được an lạc vĩnh cửu.

Giáo lý của Đức Phật: Sau khi thành đạo và trong bốn mươi năm kế tiếp, Đức Phật dạy một đạo lý mà khi tinh tấn làm theo, mọi người không phân biệt nam nữ, chủng tộc hay giai cấp, đều cũng sẽ đạt đến giác ngộ viên mãn như ngài. Những giáo lý được gọi là “Dhamma”, có nghĩa là thật tánh của vạn vật hay sự thật ở bên dưới sự hiện hữu của mọi vật. Bài viết này không thể trình bày cặn kẽ tất cả những giáo lý của Đức Phật nhưng bày đề mục sau đây sẽ cung cấp chúng ta một cái nhìn bao quát về những gì Phật đã dạy.

1/ Cách tìm hiểu chân lý: Đức Phật mạnh mẽ cảnh cáo chúng ta không nên tin vào một điều gì một cách mù quáng, và ngài khuyến khích cách tìm hiểu sự thật một cách chân xác. Ngài cho thấy sự nguy hiểm của việc thiết lập niềm tin chỉ dựa trên những điều sau đây: nghe nói lại, truyền thống, tập tục, vì nhiều người nói điều đó, thẩm quyền của kinh sách cổ truyền, lời của một đấng siêu nhiên, do tin vào các vị thầy, các vị trưởng thượng và các vị Thầy thân cận của mình. Thay vì chỉ tin theo những điều này, mọi người nên giữ cho tâm trí của mình phóng khoáng và khảo sát kinh nghiệm đời sống của chính mình. Khi tự mình nhận thấy một

giáo lý nào đó phù hợp với kinh nghiệm của bản thân và giáo lý đó đưa đến an lạc cho mình và cho mọi người, chỉ khi đó chúng ta mới chấp nhận và tin theo giáo lý đó.

Tất nhiên nguyên tắc này cũng ứng dụng cho những giáo lý của Đức Phật. Chúng ta nên khảo sát giáo lý này qua sự sáng suốt của tâm trí vốn phát sinh trong khi thực hành thiền quán. Khi việc hành thiền đã thuần thục hơn, chúng ta sẽ tự xét những giáo lý này với trí minh sát của mình, và chỉ khi đó những giáo lý này mới trở thành chân lý giải thoát của chúng ta.

Người tìm hiểu đạo pháp cần phải có đức tính khoan dung. Khoan dung không có nghĩa là tin nhận tất cả mọi ý kiến hay quan điểm, mà có nghĩa không giận hờn hay ghét bỏ những điều gì mình không chấp nhận. Về sau, trên lộ trình học đạo, những gì mà lúc ban đầu chúng ta không đồng ý có thể được coi là sự thật. Vậy trong tinh thần tìm hiểu sự khoan dung, tiếp theo đây là một số giáo lý căn bản của Đức Phật.

2/ Tứ Diệu Đế: Giáo lý chính yếu của Đức Phật không nhắm vào việc lý luận về một thượng đế, đấng sáng tạo hay nguồn gốc của vũ trụ vạn vật, giáo lý đó cũng không nhắm đến việc đạt tới một cõi trời vĩnh hằng. Giáo lý này nói ngay đến thực tại đau khổ của con người và sự cấp thiết phải tìm ra con đường giải thoát vĩnh viễn khỏi mọi hình thức đau khổ. Đức Phật đưa ra tỉ dụ về một người bị trúng một mũi tên tẩm thuốc độc mà trước khi được cứu chữa lại muốn biết ai đã bắn mũi tên đó, người bắn ở đâu và thuộc giai cấp nào, đã dùng loại cung nào, mũi tên đã được làm bằng chất liệu gì.v.v.. Người bị trúng tên này chắc chắn sẽ chết trước khi những câu hỏi của mình được trả lời. Cũng giống như vậy, Đức Phật dạy rằng việc làm cần thiết và cấp thời nhất của chúng ta là tìm sự giải thoát khỏi đau khổ hiện tại, để không còn phiền não và đạt được an lạc. Việc lý luận triết học chỉ có tầm quan trọng thứ yếu và tốt nhất nên để lại cho đến khi chúng ta đã tu tập tâm trí tới trình độ có khả năng khảo sát vấn đề một cách rõ ràng và tự trông thấy sự thật cho chính mình. Vậy giáo lý trung tâm của Đức Phật mà tất cả những giáo lý xoay xung quanh là Tứ Diệu Đế hay bốn sự thật cao quý.

a/ Khổ đế: Hết thảy chúng sinh, đều phải chịu đủ loại khổ đau, sợ hãi và thất vọng. Đời sống là một sự đau khổ của sinh, lão, bệnh và chết.

b/ Tập đế: Nguyên nhân đưa đến đau khổ là tham muốn lạc thú, vật chất. Tham muốn được nuôi dưỡng bằng những điều thích và không thích, được thúc đẩy bởi ảo tưởng “ta” và “cái của ta” vốn phát sinh từ sự không hiểu hết tính chất chân thật của thực tại đời sống.

c/ Diệt đế: Đau khổ sẽ được chấm dứt khi không còn tham muốn. Đau khổ kết thúc trong chúng nghiệm giác ngộ. Đây là sự đạt giác ngộ hay Niết bàn giải thoát. Giác ngộ là buông bỏ hoàn toàn ảo tưởng về một tự ngã hay linh hồn có tính chất độc lập và thường tồn. Người giác ngộ được gọi là A La Hán (Arahant).

b/ Đạo đế: Sự giác ngộ an lạc đạt được bằng cách áp dụng một pháp tu, đó là Bát Chánh Đạo. Người ta sẽ sai lầm khi gọi giáo lý này là bi quan mà đúng hơn là Phật giáo rất thực tế ở chỗ đối diện thẳng thắn với sự thật đau khổ của cuộc đời, và Phật giáo lạc quan ở chỗ chỉ cho mọi người thấy sự chấm dứt đau khổ, đó là niết bàn, là sự giải thoát ngay trong kiếp sống này. Những người đã đạt được sự an lạc tối hậu này là những tấm gương gây cảm hứng cho ta thấy một cách xác quyết rằng Phật Giáo không bi quan một chút nào cả, mà là một đạo pháp dẫn tới phúc lạc đích thực.

3/ Trung Đạo hay Bát Chánh Đạo: Con đường dẫn tới giải thoát khổ đau được gọi là Trung Đạo vì nó tránh hai cực đoan, đó là hưởng thụ lạc thú vật chất và ép xác khổ hạnh. Chỉ khi nào thân thể được thoải mái với những tiện nghi hợp lý mà không hưởng thụ những lạc thú vật chất một cách quá đáng, thì tâm trí mới có sự trong sáng và khỏe mạnh để hành thiền và chứng ngộ chân lý. Pháp tu Trung Đạo là siêng năng vun bồi đức hạnh, hành thiền, và đạt đến trí tuệ, là những pháp tu được giải thích chi tiết trong Bát Chánh Đạo, đó là tám điều chánh đưa đến an lạc và giác ngộ: bao gồm: *Chánh ngữ*, *Chánh nghiệp* và *Chánh mạng* là trau dồi đức hạnh. Đối với Phật tử tại gia thì cố gắng giữ năm giới: 1/ Không giết người hay các loài sinh linh khác; 2/ Không cố ý lấy tiền bạc và tài sản của người khác; 3/ Không tà dâm; 4/ Không nói dối, nói lời độc ác, nói lời thù dật và nói lời hai lưỡi; 5/ Không uống rượu hay các chất ma túy, là những thứ làm suy yếu sự chánh niệm và ý thức về đạo đức. *Chánh tinh tấn*, *Chánh niệm* và *Chánh định*, là nói đến việc hành thiền vốn có tính cách thanh lọc tâm trí qua chứng nghiệm trạng thái an tĩnh nội tâm và hành thiền còn có tích cách tăng cường cho tâm trí thông hiểu ý nghĩa của đời sống. *Chánh Kiến* và *Chánh Tư Duy* là sự hiển lộ của Phật trí, chấm dứt mọi khổ đau, chuyển hóa bản thân và đạt được sự an lạc bất biến cùng với từ bi vô lượng.

4. Nghiệp báo: Tiếng Phạn gọi là “Kamma” có nghĩa là “nghiệp” hay hành động, ở đây muốn nói đến luật nhân quả nghiệp báo. Theo luật này thì có những hậu quả không thể trốn tránh được một khi chính mình đã hành động. Nghiệp được phát sinh qua thân, miệng và ý, làm tổn thương cho mình, cho người khác hay cả hai, đó được gọi “ác nghiệp”, nghiệp phát xuất từ động lực tham lam, sân hận và si mê, và mang lại nghiệp quả đau khổ người tạo, chúng ta nên tránh tạo những loại nghiệp này. Ngược lại, những hành động qua thân, miệng và ý, đưa đến kết quả an vui cho mình, cho người hoặc cả hai, những hành động như vậy gọi là “thiện nghiệp”, có động lực từ lòng từ bi, trí tuệ, và vì chúng mang lại kết quả an lạc hạnh phúc, chúng ta nên tạo những nghiệp như thế này càng nhiều càng tốt. Những gì con người trải qua trong đời sống này là hậu quả của những nghiệp báo mà họ đã tạo ra trong quá khứ. Khi những điều bất trắc xảy ra, thay vì buộc tội hay bắt lỗi người khác, người ta có thể nhìn thấy những lỗi lầm này từ những hành vi quá khứ của chính mình. Nếu nhìn thấy được quả báo như thế, sẽ làm cho ta có ý thức hơn trong những sinh hoạt hiện tại và tương lai của mình. Khi hạnh phúc xuất hiện, thay vì xem nó như một sự kiện tự nhiên, người ta có thể nhìn thấy điều tốt đó phát xuất từ những thiện nghiệp trong quá khứ. Nếu có thể nhìn thấy thiện nghiệp và hưởng thọ kết quả tốt trong đời này, sẽ khuyến khích người ta tạo nhiều nghiệp tốt hơn nữa trong tương lai.

Đức Phật nói rằng không có một chúng sinh nào có thể ngăn cản hoặc trốn chạy khỏi quả báo một khi nghiệp đã được tạo. Khi học được chân lý rằng *nhân nào quả nấy, gieo gió gặt bão, đem niềm vui cho người, mình sẽ được hạnh phúc, gây khổ đau cho người, mình sẽ chịu sự bất hạnh*; sẽ giúp cho người ta không tiếp tục làm điều ác trong mọi hình thức và cố gắng làm mọi việc lành như bố thí, trì giới, niệm Phật, thiền định... Dù không thể tránh được nghiệp quả xấu đã tạo, nhưng chúng ta có thể giảm thiểu sự nghiêm trọng của quả báo; một muỗng muối pha trong một ly nước có thể làm cho ly nước rất mặn, trong khi một muỗng muối pha trong một hồ nước sẽ khó thay đổi được vị của nước. Tương tự, quả báo từ nghiệp ác của một người chưa có thói quen làm việc thiện, họ sẽ chịu đau khổ nhiều ở tương lai, trong khi quả báo từ nghiệp xấu đó ở một người có thói quen tu nhơn tích đức sẽ gặp quả khổ ít hơn hoặc quả khổ sẽ tan biến mất. Như vậy luật nhân quả tự nhiên này đã trở thành động

lực và lý do chính đáng giúp cho con người tu luyện đạo đức và phát triển tình thương vô điều kiện trong xã hội của chúng ta.

5/ Luân hồi: Đức Phật đã nhớ rõ nhiều kiếp trước của ngài. Ngay cả ngày nay nhiều tu sĩ Phật Giáo và cư sĩ tại gia cũng có khả năng nhớ kiếp trước của mình. Ký ức mạnh mẽ như vậy là kết quả của việc hành thiền sâu xa. Đối với những người nhớ lại kiếp trước của mình, luân hồi hay sự tái sinh nhiều kiếp đã trở thành một sự kiện được xác lập, đặt đời sống này trong một quan điểm đầy ý nghĩa.

Luật nhân quả chỉ có thể được hiểu trong khuôn khổ sự kiện người ta trải qua nhiều kiếp sống liên tiếp, vì có những khi phải mất một thời gian dài như vậy để một hành động sản sinh nghiệp quả. Do những nghiệp tốt trong đời sống như bố thí, từ bi, giữ giới, đức hạnh và giúp đỡ người khác, người ta có thể có sự tái sinh thuận lợi trong kiếp sau. Như vậy không có nghĩa là người ta sẽ tái sinh trong một gia đình giàu có hay được sức khỏe tốt, nhưng có thể sinh ra trong một hoàn cảnh mà nhu cầu vật chất được cung ứng đầy đủ và thuận lợi cho việc được biết tới giáo pháp, thực hành tu tập và đạt đến niết bàn an lạc. Người ta có thể sinh ra trong một gia đình có nghề nghiệp không tốt, có thể bị lôi cuốn vào môi trường xấu này và không được biết đến hay không thực hành giáo pháp. Nhiều người trẻ tuổi thuộc những gia đình giàu có đã nghiện ma túy và nhiều điều không tốt, hủy hoại đời sống của mình, trong khi có những người trẻ thuộc những gia đình bình thường được nuôi dạy trong tình thương, sự chăm sóc và sự hướng dẫn đúng đắn trở thành những người trưởng thành lương thiện và có ích cho xã hội. Do thiện nghiệp đã tạo trong quá khứ mà họ được sinh ra trong những gia đình tốt. Ngược lại, việc sinh ra trong những gia đình rất giàu có có thể là một chướng ngại cho việc tu tập tự phát triển trong Chánh Pháp. Với thiện nghiệp đã tạo trong kiếp trước, đã có nhiều trường hợp người ta rời khỏi gia đình giàu có của mình để sống đời tu hành. Vì vậy sự kiện sinh ra trong một gia đình giàu có hay nghèo nàn, sinh ra có sức khỏe hay đau bệnh, không phải là những điều chính yếu nói lên những nghiệp quá khứ, mà điều quan trọng hơn là người ta có gặp được Chánh pháp hay không, có được nghe nói tới, thực hành và chứng nghiệm Giáo pháp và đạt được niết bàn an lạc hay không.

Sự tái sinh không chỉ diễn ra trong cõi người. Đức Phật dạy rằng cõi người chỉ là một trong những cõi giới khác nhau mà thôi. Có đến 28 cõi trời khác nhau và có nhiều cõi giới thấp hơn và khắc nghiệt hơn cõi người, như cõi thú và cõi ma quỷ. Không những chúng ta có thể đi đầu thai vào bất cứ cõi nào ở kiếp sau mà có thể chúng ta đã tái sinh qua lại trong nhiều cõi giới đó rồi trong quá khứ. Điều này giải đáp một quan điểm phản đối thông thường chống lại thuyết luân hồi: “*làm gì có sự tái sinh trong khi ngày nay dân số trên thế giới nhiều gấp mười lần con số của một thế kỷ trước?*”. Câu trả lời là những người đang sống trên thế giới ngày nay đã tái sinh về từ nhiều cõi giới khác nhau.

Khi biết rằng người ta đã qua lại những cõi giới khác nhau, chúng ta sẽ tôn trọng hơn và từ bi hơn với các sinh linh trong cõi đó. Thí dụ người ta sẽ không làm tổn hại các loài vật khác khi đã nhìn thấy rõ ràng mối liên hệ luân hồi giữa loài thú và loài người.

6/ Không có Đấng sáng thế: Đức Phật đã từng nói rằng không có Thượng Đế cũng như không một ai có quyền can thiệp vào sự vận hành của nghiệp quả của chúng ta. Vì vậy, Phật Giáo dạy người ta nhận trách nhiệm đầy đủ cho chính mình. Thí dụ, nếu muốn giàu có, hãy bố thí, tín nhiệm và chăm chỉ làm việc, và nếu muốn thác sinh về cõi trời, hãy luôn luôn tử tế với người khác và thực hành mười điều thiện (*không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm,*

không nói láo, không nói lời thù ghét, không nói lời độc ác, không nói lời hai lưỡi, không tham lam, không sân hận và không si mê). Không có Thượng Đế nào để cầu xin được ban ơn, hay nói một cách khác, không thể có sự mua chuộc hoặc can thiệp nào trong sự vận hành của luật nhân quả.

Tin đồ Phật Giáo có tin rằng có một Đấng Tối Cao sáng tạo vũ trụ hay không? Trước hết, người Phật tử sẽ hỏi rằng bạn nói tới loại vũ trụ nào. Từ khi có tiếng nổ lớn khai sinh ra vũ trụ cho đến bây giờ, vũ trụ của chúng ta chỉ có là một trong vô số vũ trụ trong cái nhìn của Phật Giáo về vũ trụ quan. Khi một chu kỳ của vũ trụ chấm dứt thì một chu kỳ khác bắt đầu, cứ như thế mãi, theo quy luật tự nhiên và không có lúc khởi đầu nào có thể được tìm thấy. Qua quá trình đó, một Đấng Sáng thế là thừa và là không cần thiết.

Không có một sinh linh nào được xem là Đấng Cứu Rỗi Tối Cao, vì các vị thần, các vị trời, các loài thú và tất cả các loài chúng sinh khác đều bị lệ thuộc vào luật nhân quả. Ngay cả Đức Phật cũng không có quyền để cứu vớt ai, mà ngài chỉ người dẫn đường, đưa ra chân lý để giúp người tìm lối thoát. Mỗi người phải nhận trách nhiệm cho hạnh phúc tương lai của đời mình, còn nếu giao phó trách nhiệm này cho người khác thì đó là một điều tai hại.

7/ Ảo tưởng về “linh hồn”: Đức Phật dạy rằng không có “linh hồn” nào cả, không có phần bên trong cốt yếu và thường tồn nào của một chúng sinh. Cái mà ta gọi là “sinh vật”, dù là người hay một loài nào khác, có thể được xem là sự kết tụ tạm thời của nhiều thành phần và cùng hoạt động, khi đầy đủ nó được gọi là “sinh vật”, nhưng khi những thành phần đó tách rời nhau và những hoạt động đó ngừng lại thì nó không được gọi là “sinh vật” nữa. Giống như một cái máy vi tính được ráp với nhiều bộ phận để hoạt động, chỉ khi được ráp xong và làm những công việc hoà hợp với nhau, nó mới được gọi là “máy vi tính”, nhưng khi nó được tháo rời và những hoạt động ngừng lại thì nó không được gọi là “máy vi tính” nữa. Không có phần bên trong cố định và thường tồn nào mà chúng ta có thể thực sự gọi là “máy tính” cả, và giống như vậy, không có phần bên trong cốt yếu và thường tồn nào có thể được tìm thấy mà chúng ta có thể gọi là “linh hồn”.

Không có “linh hồn” nhưng sự tái sinh hay luân hồi vẫn xảy ra. Hãy xét lại tỉ dụ này: trong một ngôi chùa, một cây nến đã cháy gần hết và sắp tàn. Một tu sĩ lấy một cây nến mới và châm lửa nó từ cây nến sắp tàn kia. Ngọn nến cũ tắt nhưng ngọn nến mới cháy sáng. Cái gì đã chuyển từ cây nến cũ sang cây nến mới? Chỉ có sự liên hệ nhân duyên chứ không có “vật” gì chuyển sang cả. Cũng giống như vậy, chỉ có sự liên hệ nhân duyên giữa kiếp trước và kiếp hiện tại của chúng ta chứ không có “linh hồn” nào chuyển sang cả.

Đức Phật nói rằng tà kiến về “linh hồn” là nguyên nhân của mọi đau khổ. Ảo tưởng “linh hồn” hiển lộ như “ta” (tự ngã), chức năng không thể ngăn cản được của tự ngã là điều khiển hay kiểm soát người khác. Những tự ngã lớn muốn điều khiển thế giới, những tự ngã trung bình có sức kiểm soát khung cảnh gia đình, cái nhà và nơi làm việc của mình, và tất cả những tự ngã đều cố gắng điều khiển cái mà họ xem là thân thể và tâm trí của mình. Sự điều khiển và kiểm soát như vậy biểu lộ những cảm xúc như thương và ghét, và hậu quả của nó là không có sự an tĩnh nội tâm cũng như hòa hợp ngoại cảnh. Chính tự ngã này tìm cách thủ đắc tài sản, không chế người khác và khai thác môi trường. Việc làm của nó là tìm hạnh phúc cho mình nhưng nó là nguyên nhân làm phát sinh đau khổ. Nó muốn được thoả mãn nhưng chỉ thấy sự bất mãn. Sự đau khổ bám rễ sâu như vậy không thể chấm dứt trừ khi chúng ta siêng năng tu tập thiền định, trí tuệ phát sinh và nhận ra rằng ý tưởng “ta” và “của ta” chỉ là ảo ảnh, là cái không thật có.

Bây đề mục trên là một phần trong những điều cốt yếu mà Đức Phật đã dạy. Bây giờ, để hoàn chỉnh bài viết trình bày sơ lược về Phật Giáo này, chúng ta xét coi những giáo lý này đã được thực hành như thế nào ngày nay.

Các tông phái Phật Giáo: Người ta có thể nói chỉ có một loại hình Phật Giáo và đó là bộ sưu tập lớn của những giáo lý mà nguyên thủy Đức Phật đã dạy. Những giáo lý này ở trong kinh điển tiếng Pali, những kinh sách cổ truyền của Phật Giáo Theravada, được chấp nhận rộng rãi như những cuốn sách cổ nhất và đáng tin cậy nhất ghi lại những lời dạy của Đức Phật.

Sau khi Đức Phật thành đạo, ánh sáng giác ngộ của Ngài đã chiếu khắp mọi nơi, hàng vạn người dân Ấn, từ sĩ, nông, công, thương, mọi tầng lớp của xã hội Ấn đều thừa hưởng được kết quả giác ngộ của Ngài. Về sau, Chánh pháp đã có mặt ở khắp Ấn Độ và lan tỏa đến các quốc gia láng giềng. Từ hạ lưu của sông Hằng đi về phía Đông, phía Nam tới bờ sông Caodaveri, phía Tây tới bờ biển Á-rập, phía Bắc tới khu vực Thaiysiro, đâu đâu cũng có sự ảnh hưởng của giáo lý Phật-đà, và người dân nơi ấy sống trong sự hòa bình và hạnh phúc. Trong triều đại của Hoàng Đế Asoka thuộc Vương Triều Maurya (thế kỷ thứ III trước TL), Phật giáo đã bắt đầu truyền bá sang các vùng biên giới của đại lục. Phật giáo nguyên thủy, xuất phát từ miền nam Ấn Độ, rồi được truyền sang Tích Lan, từ Tích Lan truyền qua Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào... Phật giáo tại các quốc gia này còn được gọi là Phật giáo Nam Truyền và Phật tử tụng Kinh bằng ngôn ngữ Pali. Phật Giáo phát triển từ miền Bắc Ấn Độ vượt qua dãy núi Hindu và sông Amua ở miền Trung Afghanistan, rồi vượt qua cao nguyên Pamia, vào Tân Cương Trung Quốc, từ đó đến Hà Tây, Trường An và Lạc Dương. Tiếp đó Phật giáo từ Trung Hoa truyền đến các nước lân cận như Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Và một con đường khác là từ Ấn Độ truyền sang Nepal, vượt qua dãy núi Hymalaya, vào Tây Tạng, rồi từ Tây Tạng truyền vào một số tỉnh lỵ của Trung Hoa và một số vùng thuộc bộ tộc Buryat của Mông Cổ và Xiberi. Phật Giáo trong các quốc gia phía bắc này tụng Kinh phần lớn bằng ngôn ngữ Sanskrit hoặc được dịch sang tiếng mẹ đẻ của họ

Sự thích hợp của Phật Giáo ngày nay: Quả thật vậy, ngày nay Phật Giáo tiếp tục được chấp nhận mỗi lúc mỗi rộng rãi hơn ở nhiều xứ bên ngoài quê hương của mình. Qua sự chọn lựa cẩn thận của mình, nhiều người trên thế giới đang tin theo đạo lý hòa bình, từ bi và có trách nhiệm của Phật Giáo.

Giáo lý về luật nhân quả của Phật Giáo công hiến cho mọi người một nền móng, lý do công bằng và vững chắc để sống một đời sống đạo đức. Người ta dễ hiểu tại sao một sự chấp nhận rộng rãi hơn luật nhân quả sẽ đưa bất cứ một quốc gia nào tiến tới một xã hội vững mạnh hơn, có ý thức hơn và đạo đức nhiều hơn.

Giáo lý về luân hồi đặt kiếp sống ngắn ngủi hiện tại của chúng ta vào một cái nhìn rộng lớn hơn, quan tâm nhiều hơn đến hai việc lớn của đời mình, đó là sống và chết, biết chuẩn bị cho cái chết tốt, chúng ta sẽ sống tốt. Sự hiểu biết về thuyết luân hồi giải trừ rất nhiều sự bi thảm và đau khổ xung quanh sự chết và chuyển sự chú tâm của chúng ta tới phẩm chất của đời sống hơn là chỉ chú ý đến độ dài của nó.

Ngay từ lúc đầu việc thực hành thiền quán đã là tâm điểm của Phật Giáo. Ngày nay, thiền quán càng ngày càng phổ thông khi sự lợi ích của nó đối với tâm linh và thể xác đã được chứng minh và được biết tới rộng rãi hơn trong xã hội. Khi sự căng thẳng, bức xúc được nhìn thấy là một nguyên nhân chính yếu đưa đến sự khổ đau cho con người, thì pháp tu thiền định trong đời sống hàng ngày lại càng trở nên được ưa chuộng.

Thế giới hôm nay quá nhỏ bé và đầy hiểm họa nếu chúng ta sống trong sân si và đon độc, vì thế lòng bao dung và tinh thần từ bi rất quan trọng để áp dụng. Những phẩm chất này của tâm, cốt yếu của hạnh phúc, chỉ được hình thành trong thiên định Phật giáo và thực hành tinh tấn trong đời sống hằng ngày.

Tha thứ, hoan hỷ, bất hại và từ bi là những “nhân hiệu” nổi tiếng của Phật Giáo được ban tặng tự do rộng rãi cho chúng sinh kể cả loài thú, và quan trọng nhất là cho chính mình. Trong Phật Giáo không có chỗ cho mặc cảm tội lỗi hay sự tự ghét mình, biết lỗi thì sám hối, chấm dứt tạo nghiệp ác, cố gắng làm điều lành, để nghiệp được chuyển, nghiệp chuyển thì cuộc đời mình sẽ thay đổi và thăng hoa.

Những giáo lý và những pháp thực hành này mang lại từ bi, an lạc và trí tuệ, vốn là những đặc tính của Phật Giáo trong hơn hai mươi lăm thế kỷ qua và rất cần thiết cho thế giới ngày nay. Trong suốt chiều dài lịch sử của Phật Giáo, không có một cuộc chiến nào được gây ra nhân danh bởi Phật Giáo. Tính chất hiền hòa và khoan dung này phát sinh từ một triết thuyết giác ngộ thâm diệu và khiến cho bức thông điệp của Đức Phật vượt không gian, thời gian và phù hợp một cách sống động với mọi thời đại.

Trích dịch từ “ What is Buddhism ?”, Ajahn Brahmavamsa, Abbot of Bodhinyana Buddhist Monastery, Spiritual Director of the Buddhist Society of Western Australia, Perth, Australia, 2007

Xem bản Anh Ngữ: <http://www.quangduc.com/English/basic/17buddhism.html>

Quy Y

Tác giả: Ni sư Tenzin Palmo
Chuyển ngữ: Thích Nữ Giác Anh



... Tâm thức sẽ đạt đến một trình độ vượt ngoài nhị biên đối đãi, vượt ngoài ý tưởng khái niệm. Tâm thức đó vượt thoát mọi tư duy, không thể nghĩ bàn cũng như không thể tưởng tượng, nhưng hoàn toàn có thể nhận biết và chứng đắc..

Nếu chúng ta nghĩ đạo Phật là ngôi chùa, vậy thì muốn đến chùa phải đi qua cửa chính. Cửa chính ở đây là phát nguyện Quy Y. Quy Y mang ý nghĩa mong muốn thoát khỏi điều gì đó. Thật ra chúng ta mong thoát khỏi điều gì? Thế giới ngày nay, ai cũng có khuynh hướng tìm cầu quy y, nói cách khác là tìm nơi tỵ nạn, hầu có chỗ để bám víu và nương tựa. Họ đi tỵ nạn chiến tranh, lẩn tránh kẻ thù, hoặc nương nhờ cho qua cơn thiên tai trên chính quê hương của họ. Họ nương nơi đất khách, hy

vọng nơi đó sẽ bảo bọc và cho họ cuộc sống an toàn hơn. Như vậy, theo Phật Giáo, tất cả chúng ta đều là những người tỵ nạn. Tất cả đều đang mong thoát khỏi phiền não, khổ đau của sinh tử luân hồi. Nói một cách rõ ràng hơn, ta đang tìm nơi ẩn náu những khổ đau do chính tâm phàm phu của chúng ta gây ra. Tâm đó chưa hề biết gìn giữ giới luật, thường bị những chất độc: vô minh, tham đắm, hung ác, cao ngạo, ích kỷ... gây ra biết bao đau khổ cho mình và cho người. Chúng ta đang trong cuộc chiến giữa được và mất, giữa cái muốn mà không được và cái không muốn mà bị, như già, bệnh và chết. Có quá nhiều đau khổ trên thế giới này.

Chúng ta tìm nơi nương tựa ở đâu? Chỉ tìm nơi Chân Lý mà thôi. Chân lý là nơi vững vàng và an toàn nhất. Ngoài ra không nơi đâu chân chánh cho chúng ta nương tựa. Theo truyền thống Phật Giáo, chúng ta tôn kính và quy y nơi Phật; Pháp là giáo lý của Ngài và Tăng là cộng đồng Tăng lữ, rồi thực hành theo giáo lý ấy. Vì sao? Đức Phật vốn là một Thái tử ở Bắc Ấn hơn 2500 năm trước, Ngài có tất cả những gì Ngài muốn. Ngài đã từng có 3 cung điện cho 3 mùa khác nhau trong năm. Ngài có Vua cha và Di mẫu hết mực thương yêu, có một phu nhân xinh đẹp và hiền đức, thậm chí còn có một con trai đầu lòng kháu khinh. Ngài có tất cả. Nhưng khi rời khỏi vương thành chứng kiến sự thực

của cuộc sống, chứng kiến cảnh bệnh hoạn, già nua và cuối cùng là cái chết, đó là một khám phá vĩ đại đối với Ngài. Vì tất cả những thứ đó đã bị che dấu sau lớp màng nhung gấm trong vương triều. Nhưng cũng có lẽ những điều ấy không cố tình khuất lấp, chỉ vì trước đây Ngài chưa từng nghĩ đến thôi.

Khi còn trẻ, con người đâu mấy khi nghĩ đến bệnh tật, già nua hay chết. Ta nghĩ vô thường chỉ đến với người già xa xăm nào đó. Chúng ta không nghĩ những điều không thể tránh đang dần đến với ta. Bệnh hoạn là có thật. Không chỉ người già mới mang bệnh nặng, rất nhiều người trẻ đang mắc bệnh. Và thậm chí cố gắng tránh cái chết khi còn trẻ, cố gắng phòng bệnh, còn nếu mang bệnh nhưng vẫn ráng sống, thì chung cuộc cũng vẫn phải già và chết.

Đức Phật giảng: có một điều nhất định chắc chắn sẽ xảy ra trong cuộc sống là Cái Chết. Đó là sự thật, không kể già hay trẻ, chúng ta đều phải Chết. Tôi chắc rằng tất cả chúng ta đều có những người bạn trẻ, họ chết vì tai nạn xe cộ hay tai nạn nào đó khiến dẫn đến cái chết “bất đắc kỳ tử”, chết trong lúc còn rất trẻ. Đâu có ai muốn họ mất sớm như vậy. Nhưng làm sao biết trước được, hôm nay mình còn đây, ngày mai đã ra đi rồi. Chúng ta không thể nghĩ “tôi sẽ sống 3 năm hay 10 năm nữa rồi tôi sẽ chết”. Đâu ai biết trước chừng nào cái chết đến? Không ai biết được. Tuổi trẻ và sức khỏe hôm nay không có nghĩa sẽ không chết ngày mai. Chúng ta hoàn toàn không biết, và cũng không có một ai trong chúng ta biết.

Đức Phật đã nhìn thấy rất tường tận. Ngài đã nhìn thấy nỗi thống khổ của thế gian, vì con người muốn nhưng không được, ngược lại phải chịu những điều không muốn, vì thế nên mới Khổ. Và Ngài đã nghĩ “nguyên nhân của Khổ là gì?”. Ngài đã ra đi, bỏ lại hoàng cung, gia đình, bỏ lại tất cả sau lưng, một mình một bóng, sống đời khát sĩ như những bậc đạo sư đáng kính của Ấn Độ bấy giờ. Ngài tìm cầu chân lý, nguyên nhân của Khổ và con đường dẫn đến chấm dứt Khổ.

Sau sáu năm tu tập với nhiều trường phái khác nhau, Ngài đã tự chứng đắc quả vị Toàn Giác dưới cội Bồ Đề, nay là tiểu bang Bihar - Bắc Ấn. Tâm Ngài hoàn toàn khoáng đạt và thấy được vô lượng kiếp về trước. Ngài đã chứng ngộ được gì trong chính khả năng con người của Ngài? Một khả năng mà con người đều có, nhưng dường như hoàn toàn tắt lịm trong chúng ta. Ngài không phải là một đấng Tạo Hóa. Ngài chỉ là một con người, Ngài chứng đạo trong hình thể tâm trí của một con người. Người ta cho rằng bộ não con người chỉ mới xử dụng có 8% mà thôi. Còn lại 92% làm gì? Có lẽ 92% đó chỉ để làm kho chứa. Trong Kinh nói, có một lần Đức Phật thuyết pháp trong rừng, Ngài bỏ nắm lá rừng vào lòng bàn tay rồi hỏi chúng đệ tử: Lá trong rừng nhiều hay lá trong tay Như Lai nhiều? Tất nhiên các Thầy đệ tử trả lời: Lá trong rừng nhiều hơn lá trong tay Thế Tôn rất nhiều. Đức Phật giảng tiếp: Cũng vậy, những gì Ta giảng như lá trong lòng bàn tay, những gì Ta chứng ngộ như lá trong rừng. Tuy nhiên Ngài cũng nói thêm: Những gì Ta giảng đã đủ cho đệ tử tu tập và giải thoát. Đó là những gì đệ tử Phật cần phải biết. Ngài không chỉ là một Bậc Toàn Giác mà còn là một bậc Đạo sư tuyệt vời nhất trên thế gian, Ngài đã vạch rõ con đường để chúng sanh đạt đến cảnh giới giải thoát như Ngài. Một bậc Thầy như thế thật đúng là nơi cho chúng ta kính lễ và quy y.

Kế đến là ý nghĩa của chữ “Phật”. “Phật” nghĩa là “thức tỉnh”, là vô lượng trí huệ, từ bi và thanh tịnh. Ta đến với Phật để tìm cầu nương tựa 3 đức tánh giác ngộ viên mãn

đó. Quy Y Phật để thức tỉnh trong tiềm năng đạt đến quả vị giải thoát như Phật. Tất cả chúng ta đều có Phật tánh. Tất cả chúng ta đều có khả năng đạt đến vô lượng từ bi, trí tuệ và thanh tịnh. Nhưng chỉ đang bị che lấp mà thôi. Phật tánh làm nhịp cầu giữa chúng ta, từ con người, thú vật, côn trùng... cho đến muôn loài chúng sanh. Hễ có tâm thức là có Phật tánh, dù phải trải qua vô lượng kiếp hay chúng ngộ ngay giờ phút này thì Phật tánh vẫn nguyên vẹn đó. Vì vậy, pháp Quy Y cũng giúp chúng ta quay về chân tâm vốn bấy lâu tiềm ẩn.

Quy Y Pháp là nương tựa giáo lý của Đức Phật. Sau khi thành đạo, Ngài đã vân du khắp miền Bắc Ấn 45 năm trường, thuyết pháp giáo hóa cho mọi tầng lớp xã hội, từ kẻ nghèo, người giàu, người lớn, trẻ nhỏ, cư sĩ, tu sĩ v.v... giáo lý vi diệu này đa phần đã được kết tập lại. Theo Tạng Kinh của Phật Giáo Tây Tạng hiện đang tàng trữ 108 bộ. Ngoài ra, Quy Y Pháp còn có nghĩa nương tựa Chân đế, tức hiện thực tuyệt đối, đó là khi tâm ta như mặt trời, không còn bị mây mờ vô minh, tham ái ngăn che nữa. Lúc đó ta đối diện sự thật một cách trực tiếp. Chân đế đó đang hiện hữu ngoài kia và cả trong bản tâm chúng ta. Đó chính là Pháp, là quy luật của vũ trụ nhân sinh.

Quy Y Tăng là đoàn thể đã nhận thức được con đường, đã tự tâm chứng nghiệm bản chất duyên sinh cuộc sống. Nhận chân được tất cả chúng sanh đều là bệnh nhân, bệnh do 5 độc: vô minh, tham ái, ác ý, ngạo mạn và ích kỷ gây ra. Đức Phật như một vị lương y, Ngài dạy rằng “chúng sanh có bệnh, nhưng bệnh đó có thể chữa khỏi”. Và Ngài đã kê toa thuốc để trị bệnh. Thuốc là Phật Pháp, và cũng như những loại thuốc thông thường khác, thuốc sẽ không tốt nếu chỉ xem tên hay thành phần của thuốc. Chúng ta phải uống thuốc, phải theo toa thuốc mà điều trị, thì mới khỏi bệnh. Như thế những người giúp đỡ, hướng dẫn cho chúng ta, đó là đoàn thể Tăng già, họ chính là những y tá. Những y tá này chăm sóc, theo dõi thuốc uống đúng liều lượng, cho tới khi lành bệnh. Và khi đã lành bệnh, ta lại thay thế các vị y tá để giúp bệnh nhân khác. Khi Ngài Anan thừa thính Phật, phụ nữ có khả năng giải thoát được không. Phật trả lời: Hẳn nhiên phụ nữ có khả năng giải thoát. Khả năng chứng đắc giác ngộ của người nữ chưa từng bị từ chối. Tuy nhiên cơ hội đạt đến khả năng này thường gặp nhiều khiếm khuyết.

Lễ quy y có từ thời Đức Phật, khi Ngài đi giáo hóa khắp vùng Bắc Ấn, nhiều người đã đến nương tựa giáo pháp của Ngài. Cuối thời thuyết pháp nhiều người đã phát nguyện “từ nay cho đến cuối đời, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng”. Đây là một truyền thống đã có từ lâu tại các nước Phật Giáo. Đó là lời phát nguyện hướng cuộc đời mình trên con đường tâm linh, thay vì chỉ loanh quanh ngoài vòng nhân thế. Đó cũng còn là lời phát nguyện “từ nay, con sẽ chuyển đổi để sống một cuộc đời ý nghĩa. Như vậy, trên đường tu Phật, Quy Y chỉ mới là điểm xuất phát mà thôi...

*Tự viện Pháp Bảo, Sydney
Mùa Phật Đản 2010
Giác Anh chuyển ngữ.*

Source: <http://tenzinpalmo.com/gatsal/GatsalTeaching21-English.pdf>

Đối thoại thiền

Giai Không

Góp ý của Khiêm Từ (Sydney)

1/ Những ai mới đủ tư cách là Thầy của Vua? Bạn thử cho hay trách nhiệm của quốc sư là gì?

-Quốc sư là một vị tu sĩ khả kính, đạo cao đức trọng, đã có những thành tích cao trong một môn phái nào đó và được vị vua đương thời mến phục, mời vào làm cố vấn cho vua cho nước. Quốc sư có thể hướng dẫn cho vua tu hành cho tới đắc đạo, cũng có thể giúp vua an bang tế thế. Tỷ dụ như Quốc sư Đạo Viên đã giúp vua Trần Thái Tông. Sử chép vua Trần Thái Tông bỏ ngai vàng, trốn lên núi Yên Tử đi tu. Lên núi vua gặp Thiền Sư Đạo Viên cũng là quốc sư cho vua.

Quốc sư bạch vua: “Nay bệ hạ bỏ địa vị nhân chủ mà nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, hẳn là muốn tìm cầu gì đây, cho nên mới đến phải không?”

Vua úa nước mắt, nói với Quốc Sư: “Trẫm còn thơ ấu, đã sớm mất cha mẹ, trở về đứng trên sĩ dân, không có nơi nào để nương tựa. Lại nghĩ rằng sự nghiệp đế vương đòi trước hung phế bất thường, cho nên mới vào đây, chỉ muốn cầu thành Phật, chứ không muốn cầu gì khác”.

Quốc sư đáp: “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng lặng, trí huệ xuất hiện, đó chính là Phật”.

Sau đó Trần Thủ Độ cùng các quan trong triều lên đón vua Trần Thái Tông về triều, tiếp tục chặn dân, năm 1257 đánh tan giặc Mông Cổ. Sau cuộc chiến, vua nhường ngôi cho con năm 1258 vừa là văn sĩ, tu sĩ đắc đạo, Thiền sư và cũng là một tướng anh hùng đánh thắng quân Mông; sau vua lập am Thái Vi ở vùng núi Vĩ Lâm, cố đô Hoa Lư, an dân lập ấp và tu hành.

Ngược dòng lịch sử, qua tập Thiền Sư Trung Hoa, sách chép ghi có 2 Thiền Sư được làm Quốc sư: Quốc Sư Huệ Trung, Quốc sư,

Đức Thiệu. Qua đến Thiền sư Việt Nam, sách ghi nhận có 4 vị Thiền sư được làm quốc sư: Quốc sư Thông Biện, đời thứ 8, dòng Vô Ngôn Thông, QS Viên Thông, đời thứ 18 dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi. QS Quán Viên, cuối thế kỷ 13, đầu thế kỷ 14. Quốc Sư Đạo Viên, đã hướng dẫn vua Trần Thái Tông tu thiền an dân.

2/ Mục đích ba lần gọi của vua Chu đối với quốc sư Oshin để làm gì?

Hãy thử đặt mình trong vai trò của vị quốc sư xem sao?

- Quốc sư Oshin đã rõ vua Chu già yếu lụm cùm, nên kiên nhẫn trả lời vua khi vua gọi; còn vua đã gọi Oshin tới 3 lần, mục đích là được nghe rõ Oshin trả lời, mới yên tâm. Theo thiền, tùy duyên bất biến, nên khi nói là do cái tâm chân thật phát dụng ra lời, còn nếu hành giả suy nghĩ mới trả lời là theo thức phân biệt, thức là sinh diệt nên có nói hay nói giỏi cách mấy cũng là “trật”! Trường hợp trong bài, Oshin là quốc sư của vua Chu, nên đối thoại giữa vua và quốc sư là tự nhiên, lời do tự tâm phát ra, chẳng phải do phân biệt.

3/ Quốc gia phú cường thịnh trị, người ... ổn định đất nước?

- Những cảnh quốc gia phú cường, nhà giàu sang sung túc có thể mang lại ấm no, hòa bình cho dân nếu chính quyền biết lo cho dân, không tham những ích kỷ và đam mê dục lạc; còn con dân trong nước cũng phải có bổn phận đối với gia đình, quốc gia, dân tộc, như vậy gia đình mới hạnh phúc, xã hội tốt đẹp, nước giàu mạnh! Tóm lại, đạo đức là đầu mối của hòa

binh, an lạc và hạnh phúc! Thiếu đạo đức thanh thiếu niên sẽ ăn chơi trụy lạc, chính quyền tham nhũng, khiến xã hội bất an và nước có ngày suy sụp là cái chắc!

4/ Đương không gọi tên người ta đã đời rồi đâm ra xin lỗi, thái độ, cung cách ấy có xứng bậc quốc vương?

-Bình thường thái độ của một ông vua khi tiếp xúc với dân hay quần thần rất trang trọng và đanh thép lời nói ra phải được dân lắng nghe và kính phục! Riêng trong bài, vua Chu già yếu lụm khụm nên mới có lời nói có phần khiếm nhã như trên, mà quốc sư Oshin lại từ bi nhẫn nhục, không chấp, nên không có gì xảy ra. Đây cũng là kinh nghiệm quý báu cho bất cứ ai. Hễ tu Phật phải cân nhắc lời nói, cử chỉ, sao cho dễ nghe cũng không cần nịnh hót hoặc khinh mạn người khác. Khi đã qua lục hòa, tứ nhiếp pháp, lục độ vạn hạnh... hành giả đã biết hành xử sao cho phải đạo, giáo hành đi đôi với nhau, tất nhiên không có lầm lỗi và được mọi người kính mến!

5/ Lao tù rào sắt, mối lo, niềm đau xót, sự rắc rối, nhà sụp đổ... liên quan gì tới thiền?

-Người biết tu Phật, hoặc Tịnh, Mật, Thiền đều phải nhẫn chịu các nghịch cảnh do mình tạo ra theo vòng nhân quả ba thời, đương sanh, hậu sanh, tái sanh. Hễ phạm tội lỗi, ta cứ vui vẻ chấp nhận, vậy là trả nghiệp cũ xong xuôi, còn nếu bị tội lỗi như lao tù rào sắt, mà còn cự nự, biện bạch thì nợ cũ chưa trả, nếu chưa trả thì còn phải khổ nhiều hơn là đặng khác! Cũng còn một hạng người nữa là không hề phạm tội, mà tự thân hứng lấy tội giúp người khác, đó là hành Bồ Tát có hạnh bố thí Ba La Mật, coi người khổ như mình khổ, ra tay cứu giúp mà không hề sợ sệt, không thắc mắc và không nhận đền đáp dù là vàng bạc châu báu! Lý do Bồ Tát đã thâm nhập TÁNH KHÔNG của các pháp, các pháp do nhân duyên, không chủ, không ngã; nên Bồ Tát dám xả thân, độ chúng sanh, giải khổ cho chúng sanh, ứng thân khắp nơi, hướng dẫn chúng sanh tu theo căn cơ của mỗi chúng sanh, rồi hành giả tự tu, tự độ, đó là hạnh bố thí ba la mật của Bồ Tát vậy! Nói chung, các pháp của Phật do quý Thầy trao cho Phật tử cũng không khác chi toa thuốc của bác sĩ cho một bệnh nhân. Có bệnh mà chỉ đọc toa thì không thể hết bệnh, mà phải chịu khó uống thuốc theo lời bác sĩ mới hết bệnh. Cũng vậy, Phật tử nghe quý Thầy giảng thì phải nhớ và tu, dù học thuộc Kinh vẫn chưa hết được bệnh Tham, Sân, Si mà phải ứng dụng tu, rồi từ từ phiền não mới vơi đi, tâm hết ô nhiễm mới có hy vọng đạt an lạc giải thoát vậy.

Góp ý của Quốc Vinh (Vic)

1) Khi đất nước dưới các chế độ quân chủ chuyên chế hay vương quyền độc trị không có đối lập, quyền hạn của nhà vua rất lớn như nắm quyền sinh sát trong tay. Điều này đã gây ra nhiều bất ổn cho xứ sở và quốc dân, trường hợp gặp bạo chúa hôn quân vô đạo; guồng máy cai trị xem như bất lực, vì không một ai có quyền cản ngăn được việc làm bất xứng xấu ác của vua. Những cuộc truất phế, chính lý cũng nhân cơ hội mà nảy sinh nhiều vấn đề soán đoạt ngôi vị gây ra những vụ xáo trộn thanh toán nội bộ, sát hại lẫn nhau làm cho dân tình đồ thần, tổ quốc lâm nguy trong cảnh nổi loạn kéo dài. Học được những kinh nghiệm đau thương của lịch sử, về sau này dù dưới chế độ quân chủ, nhưng quốc chủ là người biết lo cho dân cho nước, không tự chuyên quyền độc đoán mà nhờ người cố vấn chỉ đạo. Trong trường hợp vua cần những nhân vật có lòng với dân và nước và trải nghiệm đứng ra cố vấn chỉ đạo, mỗi khi vua cần tới. Nhân vật này không phải người thường mà là vị thiền sư lỗi lạc được vua tín nhiệm trong vai trò quan trọng này. Như vậy, vai trò của quốc sư được chọn lựa kỹ để đủ xứng đáng là thầy của vua; và với niềm tin của quốc dân.

2) Chúng ta có câu tục ngữ “Bắt quá tam” (không quá hay hơn 3 lần). Việc gì được nhắc lại lần thứ ba dù hay cách mấy cũng thành dỡ, đối với kẻ hữu tâm nó trở thành thụ động; nhưng người vô tâm đó là việc hay. Nếu như không có

tâm kiên nhẫn đủ và tích cực cũng không dễ dàng gì người ta chịu đựng nổi; bình thường người nào gọi tên ta tới lần thứ ba, hẳn bị phản ứng ngay. Việc phản ứng của ta sẽ bất lợi cho cả đôi bên, như phán một câu đây về giận tức: bộ tướng điếc sao mà réo nhiều đến thế? Hoặc nói: tôi có lấy của hương hỏa ông đâu mà vô can lôi tên tôi ra mách xéo? Đó là chưa kể, có đôi khi ta đáp trả người gọi không qua lời nói nhưng bằng hành động thô lậu thiếu văn hóa, không trí thức chút nào cả, thật đáng buồn cho cái bản ngã to tướng của con người!

3) Có hai điểm cần phải đặc biệt quan tâm là việc trị quốc và an dân. Trong thời buổi đất nước thanh bình, mọi người trong nước được tự do an hưởng cảnh an lạc thái hòa. Nếu mỗi người không chịu cố gắng tham gia tích cực đóng góp tài năng, trí tuệ xây dựng xứ sở mà chỉ ngồi an hưởng là “sông nhân cư vi bất thiện”. Cũng vậy trong phạm vi gia đình của người giàu có sang trọng, con cái không biết lo xa, cứ mãi lo ăn chơi không chịu học hành như câu tục ngữ: “Sông không lo, của kho cũng hết”, là bài học giúp các bạn trẻ ý thức bổn phận và trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc.

Cha mẹ có bổn phận giáo dục con cái trong gia đình, không nuông chiều quá đáng để chúng thành bất trị; học đường có kỷ luật phân minh uốn nắn mầm non theo đúng phương pháp khoa học, kỹ thuật hiện đại giúp học sinh có đủ kiến thức, khả năng ứng dụng vào môi trường cuộc sống.

Như vậy, muốn ổn định đất nước, trước tiên gia đình phải là nền tảng un đức nhân cách, đạo đức cho con em; và học đường là nơi tưới tẩm kiến thức, vun bồi khả năng cho học sinh chuẩn bị cho họ vào đời đầy đủ hành trang nhập cuộc.

4) Mặc dù biết mình đã quá lời với một thần dân cận kề mà bấy lâu nay đã cố vấn hết lòng cho nhà vua qua nhiều vấn đề quốc gia trọng đại, nhà vua vẫn cứ thử gọi vị thầy cố vấn của mình xem đã sẵn sàng hy sinh và cống hiến tài trí, kinh nghiệm; cũng như có đủ các đức khiêm cung, nhẫn nại đối với mọi người, đối với các đạo giáo khác trong xứ sở... Hay Thầy chỉ là người tầm thường như bao nhiêu kẻ khác, qua lời bày tỏ thực lòng: “Nhưng thật sự khanh phải xin lỗi ta đó”.

5) Nhiều biến cố xảy ra chung quanh cuộc sống chúng ta cùng lúc hay lần lượt đều do nhân duyên hội tụ. Không có bất cứ một sự việc gì xảy ra ngẫu nhiên, vô bằng cứ cả. Nếu có, chẳng qua do chúng ta không hiểu hay cố tình hiểu theo lối nhìn thiên lệch của mình mà thôi. Vậy thiên là tất cả mọi thi vi, động tác của ta trong đời sống thường nhật mà không phải tới lúc sẵn sàng tạ thiên mới tu thiên.



Nhận xét góp ý

1- Để ngăn chặn bớt đà như “điều gặp gió” của bậc thiên tử, là ông trời con ở dưới thế, nhất là những ông vua trẻ. Nếu không nhờ những bậc Thầy cố vấn nhiều thiện tâm và đủ già dặn giúp vua trong trường hợp này, hẳn là tai họa cho quốc gia dân tộc không phải ít.

Danh từ quốc sư hay còn gọi là Thái sư như tại Việt Nam đã có từ thế kỷ thứ 10 với Khuông Việt quốc sư (930 – 1011) tức Ngài Ngô Chân Lưu thuộc thiền phái Vô Ngôn Thông. Ngài được vua Đinh Tiên Hoàng mời vào triều và phong chức Tăng Thống (970). Tới đời vua Lê Đại hành (980 – 1005) đại sư Khuông Việt được mời tham dự việc triều chính. Vào thế kỷ thứ 11, Vạn Hạnh thiền sư (-1025) được vua Lý Thái Tổ tôn làm quốc sư. Chức quốc sư dành riêng cho vị thiền sư lỗi lạc trong Phật giáo đứng ra đảm nhận trọng trách cố vấn việc quốc gia đại sự cho nhà vua.

2- Chỉ người trong cuộc mới hiểu được thâm ý diễn tiến của câu chuyện từ đầu, còn người ngoài làm sao mà lãnh hội trọn vẹn được qua từng ngôn từ, cử chỉ giữa hai nhân vật đối thoại. Ở đây ta chỉ tìm hiểu có phải vua lấy uy quyền tuyệt đối của một bậc đế vương hành xử với quốc sư hay không để may ra nhận được ý chỉ 3 lần gọi quốc sư phải nhận chân được vai trò và sứ mệnh của mình để được lợi đạo, ích đời – cho dù được sắc phong tước vị - vẫn đang trên đường tìm cầu giải thoát cho mình và cho mọi loài chúng sanh. Trong lúc thi hành phận sự, nếu gặp nghịch cảnh cũng phải biến nó thành thuận duyên mà quốc sư với tâm hạnh Bồ Tát có đủ sức kiên trì vượt qua tất cả.

3- Vấn đề nào cũng có hai mặt cả. Nếu cho rằng quốc gia phú cường thịnh trị, tất cả mọi người trong nước đều lười nhác, ăn chơi không chịu làm việc, e không chính xác, vì phiến diện theo một chiều tiêu cực, đó là về việc nước, còn việc nhà cũng có nghĩa tương tự. Bảo rằng nhà giàu sang sung túc con cái trở nên hư hỏng, điều này cũng hàm ý chủ quan và rất mơ hồ. Tại sao không nhận ra con người; từ thời tiền sử đã trải qua bao nhiêu lần thoát xác mới tiến bộ được như ngày hôm nay. Bao nhiêu công trình xây dựng đền đài, lăng tẩm, miếu mạo, chùa chiền, ngay cả những kỳ quan của thế giới, nếu thiếu sự đóng góp, nhất là của những người giàu có lại rộng lòng, thử hỏi đời sống của nhân loại còn gì để hãnh diện, tự hào.

Ý thức rõ trách nhiệm và bổn phận mỗi người phải lo củng cố nếp sống gia đình, dạy dỗ con cái ngay từ lúc chúng còn ngây thơ trong trắng như tục ngữ có câu “dạy con từ thuở còn thơ” Cũng vậy, muốn cho đất nước an ổn, chính quyền phải được phân định giữa tư pháp, hành pháp và lập pháp phân minh, hẳn toàn dân sẽ hết lòng lo phụng sự tổ quốc để theo kịp đà tiến của thời đại văn minh khoa học.

4- Đứng về mặt tình cảm như câu tục ngữ “yêu thương nhau lắm, cắn nhau đau”, mới cảm nghe nó thấm thía thế nào lúc tới phiên ta gặp việc. Nói như thế để rõ con người. Dù người đó là đương kim quốc chủ - không ngoại lệ, vẫn có những cách hành xử đời thường. Việc làm của vua có chủ ý không mang tính đùa cợt hay coi thường một bậc trung thần luôn gần gũi và giúp đỡ như quốc sư. Qua cách xưng hô “trẫm” và lời thiết thân của nhà lãnh đạo đất nước, cũng quá đủ đối với vị Thầy của vua.

5- Câu trả lời: “Bình thường tâm thị đạo” của Nam Tuyền với Triệu Châu. Triệu Châu nói: “có chỗ xu hướng chẳng?” Nam Tuyền nói: “muốn hướng thì sai”. Triệu Châu nói: “Chẳng hướng sao biết là đạo?”. Nam Tuyền nói: “Đạo chẳng thuộc biết, chẳng thuộc không biết; biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu chơn đạt đến cái đạo “chẳng hướng” thì giống như hư không, mênh mông trống rỗng, đâu có thể cưỡng cho là đúng sai ư ! Triệu Châu ngay đó đại ngộ.

- Theo lời bình của Thiền sư Nguyệt Khê (1878 – 1965):

“Bình thường tâm là đạo” của Nam Tuyền, ý nói sau khi kiến tánh, khởi niệm động niệm đều là Phật tánh, đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm, cuộc sống hằng ngày đều là chơn như, ấy là cảnh giới sau khi chứng ngộ...

(Theo cội nguồn truyền thừa và phương pháp tu trì của Thần Tông, Hòa Thượng Thích Duy Lực dịch, chùa, Pháp Bảo – Sydney ấn tống năm 2002)

Nếu cho rằng những việc bình thường hay tầm thường của đời sống như có liên quan tới thiền, thật quả như người nấu cát mà muốn thành cơm. Không thể không thận trọng!

Bài tham khảo kỳ tới

Tozan's Three Pounds

A monk asked Tozan when he was weighing some flax: “What is Buddha?”

Tozan said: “This flax weighs three pounds”.

Munmon's comment: Old Tozan's Zen is like a clam. The minute the shell opens you see the real Tozan?

Three pounds of flax in front of your nose,

Close enough, and mind is still closer.

Whoever talks about affirmation and negation

Lives in the right and wrong region.

Dịch nghĩa:

Ba cân của Đông Sơn

Có một thiền giả hỏi Đông Sơn lúc sư đang cân vải: “Phật là gì?”

Thiền sư trả lời: “vải gai này nặng ba cân”.

Vô môn bình luận: Lão thiền sư Đông Sơn giống như con sò. Phút vỡ sò mở ta thấy toàn diện bên trong. Tuy nhiên, tôi muốn hỏi: “Bạn có thấy Đông Sơn thật?”.

Ba cân vải để trước mũi ta

Sát gần nhưng tâm vẫn gần hơn

Ai bảo nghi ngờ hay xác định

Sống trong sai đúng chẳng thuận chơn.

Câu hỏi gợi ý:

1. Phật cao nhưt xích, ma cao nhưt trượng. Như thế ma hơn Phật?
2. Câu hỏi một đường trả lời một ngã, nhằm ý gì? Có phải đó là tâm yếu thiên?
3. Theo bạn nghĩ Phật là gì?
4. Câu nói: “Ai ăn nấy no, ai tu nấy chứng”. Có phải người tu ích kỷ chỉ muốn cho mình. Như vậy, hạnh lợi tha ở đâu?
5. Hãy cho biết trung đạo và cách ứng dụng trong đời sống có gì khó khăn?

Phút dẫn sanh

*Đã hai ngàn sáu trăm năm lễ
Uốn mình theo nghiệp lực chúng sanh
Để hôm nay hoa nở đầy cành
Hương giải thoát thấm sâu lòng đất.*

*Vạn vật chuyển mình
Không gian gần lại
Mười phương nghe được tiếng nói chung
Quá khứ đây rồi
Tương lai hội tụ
Ba ngàn thế giới đón Dẫn Sanh .
Hạnh phúc thay
Tất cả chúng sanh đồng Tánh Phật
Dù nhau về, bến giác yêu thương .
Nhân loại reo vang
Suối từ tuôn chảy
Chấp tay chào, hoan hỷ vô biên.*

*Phố chợ ruộng đồng đầy nắng mới
Núi xanh mây trắng lưng lờ trôi
Giờ đây đã có đường giải thoát
Muôn kiếp trầm luân bớt khổ rồi.*

Quảng Từ Vân

Niệm Phật

*Thế gian ly sanh diệt
Thí như hư không hoa
Trí bất đắc hữu vô*

*Nhi hưng đại bi tâm
(Kinh Lăng Già)*

Dịch nghĩa:

*Thế gian là sanh diệt
Như hoa đóm hư không
Trí tuệ không có, không
Hưng khởi tâm Đại Bi.*

Cứu cánh trí tuệ Phật Giáo là chứng đắc Tánh Không của vạn pháp. Trong kinh điển, Tánh Không là pháp giới Tánh, cũng chính là Phật Tánh. Phật tánh không ngăn mé, không hạn lượng, không đối đãi giữa sanh và tử, giữa có và không... Phật tánh kết tập hưng khởi từ sức trí tuệ vô lượng và tâm đại bi vô biên. Đức Phật thường dạy, Bồ Tát đạo nương Phật tánh làm con đường, nương trí huệ Bát Nhã làm thuyền độ sanh. Nhờ nương sức từ bi của chư Phật, Bồ Tát quán sát thế gian như hư huyễn, không thật có sinh diệt, như hoa đóm giữa hư không. Bồ Tát tinh tấn phổ độ chúng sanh không mệt mỏi, không nhàm lìa, nhưng không thấy mình vĩ đại, không thấy chúng sanh đáng tội nghiệp, không thấy mình cao cả, đáng làm chỗ cho chúng sanh cúng dường... Vì dù có chấp, có thấy đến thế nào chăng nữa, thì điểm cuối cùng trên đạo lộ giải thoát vẫn phải là “tâm, Phật, chúng sanh - ba thứ ấy đều không sai biệt”.

Như vậy, từ cảnh giới của phàm phu cho đến cảnh giới của Bồ Tát, không có cảnh giới nào muốn đạt đến cứu cánh giải thoát mà không nương nhờ sức Từ Bi, Trí Tuệ vô lượng, vô biên của Phật. Nương nhờ và quy y nghĩa là tùy chỗ, tùy duyên... nhưng không mất phương hướng,

không quên tưởng nhớ đến Phật, không quên niệm Phật. Khi tâm thường chân thật niệm Phật, lâu dần sẽ sanh chuyên tâm. Cấp độ chuyên tâm cao hơn sẽ dẫn đến Nhất Tâm. Nhất Tâm là cảnh giới của Định. Định lực sẽ biến thành nguồn năng lượng mạnh mẽ, tùy vào tầng thứ của Định mà phát sanh trí tuệ đưa đến giải thoát. Khi chứng đắc trí tuệ cứu cánh, tất nhiên cảnh giới của Phật Tánh sẽ hiển bày. An trụ Phật tánh tức an trụ Tánh Không của vạn pháp. Từ duyên khởi tánh Không, phát tâm Đại Bi phổ độ chúng sanh.

Như vậy, từ phàm phu cho đến cảnh Phật, khi nào còn chưa đắc độ thì còn cần nương tựa Phật. Tuy vậy, con đường sẽ gần hay xa tùy vào cấp độ “chân thật Niệm Phật” của mỗi chúng sanh.

Trong Kinh điển, đức Phật thường ca ngợi đức hạnh “Chân Thật”. Phải chân thật niệm Phật, phải chân thật tu hành. Vì chân thật thì việc tu mới có kết quả. Không chân thật thì dù có làm gì chăng nữa cũng chỉ tốn kém thời giờ, không lợi ích được gì. Cứ thế một đời trôi qua trong quên lãng, ngàn đời trôi qua trong nhấp nháy, càng xa Chánh pháp thì cơ hội gặp đạo giải thoát càng ít đi. Thường nghe ví dụ, khi thật sự biết rắn là loài vật đáng sợ, là loài vật nguy hiểm, thì khi gặp rắn, không cần phải đợi giải thích, năn nỉ hay răn đe, lập tức không ai dám chộp lấy con rắn, mà điều đầu tiên khởi lên là phải sợ hãi và tìm cách lánh xa. Giả sử gặp lúc giữa đêm, đang cơn tối tăm khiến làm lẫn giữa rắn và sợi

dây, dù chộp lằm chãng nữa nhưng khi chạm đến cái lạnh lạnh ghê ghê của da rắn, liền lập tức buông tay không một giây tính toán chần chừ. Đó chính là chân thật sợ rắn. Còn nếu không phản ứng như vậy, thì một là rơi vào dạng “điếc không sợ súng”, tức không hề biết rắn nguy hiểm lợi hại như thế nào; hai là dạng “chuyên viên bắt rắn” mới không sợ rắn cắn mà thôi. Hai dạng đó đều luôn miệng nói là “sợ rắn” theo xu hướng của mọi người, nhưng thật tâm không sợ. Đó là nghĩa không chân thật trong trường hợp này.

Niệm Phật hay tu bất cứ pháp môn nào cũng vậy, phải “chân thật tu hành”. Rất có nhiều trường hợp vì hoàn cảnh, vì nhân duyên nào đó... bắt buộc phải biểu lộ hành động tu hành, nhưng thật tâm thì khác. Thay vì nghĩ đến Phật, thì lại nghĩ đến những chuyện không phải Phật. Quý Thầy giảng Pháp thường nhắc: Nếu thật sự chúng ta hiểu Vô Thường thì chúng ta đã không như bây giờ. Nếu thật sự chúng ta sợ Luân Hồi, thì chúng ta đã buông hết phiền não tham, sân, si... từ lâu rồi. Và quả thật là vậy, vì từ vô lượng kiếp mỗi chúng sanh đã kinh qua không biết bao nhiêu cảnh giới trong sáu nẻo luân hồi. Chúng sanh đã từng làm quốc vương, tướng tá, dân đen... cho đến làm súc sanh, thọ báo địa ngục, ngạ quỷ... Dạng tâm thức nào cũng đã kinh nghiệm qua, trong đó danh lợi, quyền uy tột đỉnh của thế gian, giàu sang phú quý... cho đến hèn hạ, bần cùng... tất cả cũng đã có. Chỉ có kinh nghiệm của Chứng Đạo hay kinh nghiệm “Niệm Phật Tam Muội” là chưa từng có mà thôi. Chỉ nghĩ đến 5 dục: tài, sắc, danh, thực, thù, chắc chắn chúng sanh nào cũng từng trải qua trong quá khứ, nhưng giờ này còn lại gì, ngoài tâm thức ưu phiền của kiếp nhân sinh? Thường niệm quán như vậy, máu chột vấn đề đã được bật ra, từ đó phát sinh động lực đem tất cả buông xuống. Vì vậy, Tổ sư nào cũng nhắc nhở, kiếp sống này là cơ hội cuối cùng để quay đầu lại, là chuyến tàu cuối ngày đưa người về quê hương. Nếu lỡ tuột mất trôi qua, thì thật không còn gì đáng tiếc hơn nữa.

Thật cảm niệm công ơn Đức Phật không gì diễn tả hết được! Tưởng tượng nếu thế gian không có phút Đản Sanh của Thái tử Tất Đạt Đa, giờ này không chỉ nhân loại mờ mờ mịt mịt, mà địa ngục dầu sôi, ngạ quỷ đói khổ, súc sanh tối tăm... còn tăng dân số không đếm kể cho hết được.

Thế gian mãi mãi kính lạy buổi bình minh chấn động ba ngàn thế giới, ngày Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề năm xưa. Ngày ấy đến nay đã hơn 25 thế kỷ, nhưng tất cả trời, người vẫn còn được nhuần ân. Tâm thức chúng sanh không chỉ hiểu được sự hiện hữu của thế giới loài người, thế giới loài vật, mà còn biết hướng đến thế giới của phi nhân, của chư Thiên hay địa ngục, ngạ quỷ, a tu la... Huyền diệu hơn, chúng sanh còn biết có thế giới Phật, thế giới của tuyệt đối thanh tịnh, thế giới của liên hoa hóa sanh. Nơi thế giới ấy, không có bóng dáng của sanh tử luân hồi, không còn nhân ái dục để chiêu cảm nghiệp báo thai sanh. May mắn hơn, Đức Phật đã vạch rõ con đường đi đến thế giới đó. Con đường rất dễ hiểu, chỉ theo một công thức “Tất cả do Tâm tạo”.

Tâm như một kho tàng chứa tất cả những chủng tử gieo trồng vào đó. Chính những chủng tử đó sẽ hướng dẫn chúng sanh tái sanh. Cảnh giới đi tái sanh tùy theo chủng tử nào gần nhất, mạnh nhất lúc chấm dứt thân giả tạm này, nghĩa là khi Chết. Tất cả chúng sanh còn trong vòng nghiệp báo, khi thần thức lìa khỏi thân xác, đa phần đều phải rơi vào cảnh mờ mịt, hoảng loạn, bơ vơ... không khác tâm trạng trẻ con sợ hãi, hoang mang khi

thất lạc cha mẹ. Trong cơn hoảng sợ thần thức có khuynh hướng tìm cầu cảnh nào đó để nương tựa. Cảnh đó sẽ là những tâm trạng quen thuộc, thường xuyên xảy ra khi còn sống. Những tâm trạng quen thuộc tạo thành chủng tử khắc ghi vào Tâm thức. Chính những chủng tử đó hóa hiện thành cảnh giới làm nơi nương tựa cho thần thức. Điều đó giải thích trong cuộc sống thường ngày thương yêu hoặc say mê cái gì quá, sẽ tái sanh trở lại gần gũi với cái thương, cái mê đó. Hoặc giả thù hận hay căm ghét nhân vật nào đó, thần thức cũng lấy tâm đó để nương tựa, rồi trở lại báo thù hay tiếp tục cuộc vòng quanh của thương yêu, oán ghét...

Ví dụ khác, một người thường tạo nghiệp sát sanh, khi mạng chung thần thức sẽ thấy lại cảnh chết chóc kêu la của loài vật; và trong hiện cảnh như vậy, nếu chủng tử thiện lành không đủ sức làm mờ đi, thì thần thức sẽ bị nghiệp lực dẫn đi theo chiều hướng tiếng kêu la của loài vật. Và đó là lúc đi vào cảnh giới theo chủng tử nghiệp lực đã tạo; cho đến khi nhân quả nhẹ dần, thì nghiệp lực bấy giờ sẽ được thay thế bởi những nghiệp khác để đi vào cảnh giới khác hơn. Nhưng nghiệp lực là gì ? Đó là những hành động tạo tác hóa thành chủng tử thiện ác vậy. Thế thì được đi lên hay đi xuống đều tùy vào sức mạnh của những chủng tử còn lại trong tâm thức chúng sanh đó.

Tâm cảnh người niệm Phật thường ngày huân tập câu niệm Phật. Cảnh giới của người chân thật niệm Phật nhận thức các pháp đều duyên sanh, không tự tướng. Nhận thức được vạn vật vô thường biến đổi không ngừng. Từ đó không sanh tham đắm và chấp trước. Các việc thường ngày xảy ra chỉ do nhân duyên, chúng đến rồi chúng sẽ đi, như “hoa đóm giữa hư không”.

Quan trọng hơn, người niệm Phật muốn nhập vào cảnh giới Phật, phải phát Bồ Đề Tâm tức phát tâm sớm chứng đạo Vô Thượng để cứu độ hết thảy chúng sanh không phân biệt. Đó cũng là thấy rõ nhân duyên của các pháp mà phát Đại Bi Tâm trong tinh thần Bồ Tát. Cảnh giới của người niệm Phật như thế thường sanh hỷ lạc và thanh tịnh. Do thấy rõ lỗi lầm của sinh tử, nên chấm dứt khát ái, không còn tái sanh trong ba cõi. Sau khi mạng chung, đời sống kế tiếp không thọ thân trong bào thai mà hóa sanh trong hoa sen.

Do luôn sống với tâm thanh tịnh, tâm thức lúc đó chứa đầy chủng tử niệm Phật, nên khi xả báo thân, tất nhiên thân tái sanh phải phù hợp với cảnh giới ấy: Cảnh giới Phật. Huống hồ, ngay giờ phút đó còn được Chư Phật, chư Bồ Tát cười mây Đại Nguyện, lướt gió Đại Bi đến tiếp dẫn vãng sanh. Cuộc hành trình đau khổ của kiếp luân hồi đến đây mới mong chấm dứt !

Và từ đây, tâm thức người niệm Phật sẽ chính thức hòa vào dòng pháp của chư Phật, chư Bồ Tát. Sẽ chứng đắc cảnh giới của Pháp Tánh, của Duyên khởi Tánh Không. Sẽ chấm dứt tái sinh, không sinh không diệt. Không còn đối đãi của thế gian, không chấp Có cũng không chấp Không. Nhưng vẫn tiếp tục hạnh nguyện Bồ Đề, trở lại Ta Bà hóa độ chúng sanh. Đó là cảnh giới của chư Bồ Tát trong Kinh Lăng Già “*Trí bất đắc hữu vô, nhi hưng Đại Bi Tâm*” mà Đức Phật thường nhắc nhở vậy.

Kính nguyện tất cả chúng sanh đều niệm Phật, một mai cùng vãng sanh cảnh giới Phật và cùng làm bạn hữu nương thuyền Từ phổ độ chúng sanh.

Cảm niệm mùa Phật Đản TL 2010
Thích Nữ Phổ Hạnh *kính bút*

Biết và không biết

Mới sanh ra là một đứa bé, con người chúng ta chẳng biết gì cả. Không biết thế giới to lớn thế nào. Không biết gia đình gọi ai là cha mẹ. Lại càng không biết anh chị em, bà con huyết thống. Kể cả không biết đồ ăn thức uống, không biết mọi thứ chung quanh mình diễn tiến ra sao?

Nếu đem so với loài vật khác con người thật là yếu ớt, mong manh, dễ tổn thương dễ bị hại. Chỉ cần không người bên cạnh chăm sóc, trải qua vài tiếng đồng hồ, thì có thể bị tấn công, bị thương tổn do ngoại vật chung quanh.

Khác với con người, phần đông loài vật vừa sinh ra đã biết đi, biết chạy, nếu một vài loài vật sanh ra được cha mẹ chúng nuôi nấng, thì cũng đôi tháng, hay đôi năm biết tự xa bày sinh sống.

Con người khác biệt hơn nhiều, sự chăm lo nuôi nấng để biết phân biệt những gì cần bản sống, cũng phải mất cả gần mười năm. Nhưng hoàn toàn trưởng thành thì phải đến hai mươi năm. Nhưng thật mà nói, con người chúng ta cũng không biết gì nhiều, ngoài việc bám vào nhau để sống, rồi cũng tự làm khổ nhau.

Những điều mà chúng ta không biết, hay chưa biết có đến vô số không làm sao tính được.

Điều đầu tiên một đứa bé mới sinh, chúng chỉ biết ánh sáng, khác với bóng tối chật hẹp trong bào thai của mẹ. Khi ra đời nhắm mắt mà khóc, hễ ai thương chăm sóc thì bám vào người đó, hễ ai có gì đưa cầm, bế ẵm dỗ dành, lại bám chặt để tìm bú, tìm ăn... chúng ta hoàn toàn quờ quạng trôi theo các thứ hình ảnh động tịnh chung quanh. Mọi thứ bên ngoài đến gần với ta, thì ta nhận thấy, chỉ nhận thấy mà không một hiểu biết gì. Đến khi bắt đầu nhận thấy rõ hơn, nhiều hơn, thì người nào gần ta nhất ta bắt đầu cảm giác mạnh, và rung động nhiều hơn với người khác. Đó cũng là lúc bắt đầu được biết cha mẹ của mình. Nhưng biết như vậy cũng không phải biết, vì nếu người chăm sóc cho ta không phải là cha mẹ, bởi lý do gì đó đã xảy ra, thì ta cũng lầm tưởng nghĩ rằng cha mẹ.

Lớn lên nếu người nuôi ta, không cho ta biết sự thật, thế là cái biết của ta cũng không đúng sự thật. Chỉ là việc đơn giản như vậy, nói chỉ đến các anh chị bà con, tất cả đều do người nuôi ta kể cho ta nghe, dạy cho ta biết. Chẳng hạn hiện nay ta thường nói với mọi người, ngày tháng năm sanh, sinh nhật của mình thế này thế kia; thật ra ngày tháng đó là do cha mẹ kể cho ta nghe, chứ ta lúc mới sinh còn không biết mọi thứ chung quanh, huống gì là danh từ tên tuổi.

Lớn lên thêm chút nữa, đến tuổi biết phân biệt ai là người thân ai là kẻ lạ, bây giờ là lúc được cha mẹ cho ta ăn học cấp sách đến trường. Và nếu có lý do nào đó, ta không

được cho ăn học, thì ta lại tiếp tục không biết nhiều thứ khác, nhiều chuyện trên đời, nhiều vấn đề trên thế giới.

Sau khi học xong, ta đi vào đời, dựa vào kiến thức của mình làm việc sinh nhai, bây giờ ta lại biết thêm cuộc đời có quá nhiều chuyện, còn hơn cái biết trong trường lớp đã học xong. Tuy nhiên nhờ có đi học cho nên ta xử lý giải quyết được phần nào vấn đề trong đời sống. Nhưng rồi còn nhiều chuyện rắc rối khác ta lại không biết, vì đời sống mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm càng thay đổi, cho nên cái biết của ta phải luôn thay đổi, không thể ngừng nghỉ được.

Đến lúc có tuổi đời, có gia đình con cái, thì ta lại bắt đầu học cái biết khác, biết làm cha, mẹ, ông bà. Thời gian này ta phải đối đầu vô số điều không biết, cho nên ta phải học hỏi nhiều hơn. Ta học quay lại lúc ban đầu, từ ngay gia đình, nuôi nấng con cái như ngày xưa cha mẹ nuôi nấng ta. Vừa học gia đình, vừa học xã hội, cho nên không lúc nào là không học. Dù vậy sự đời vẫn thay đổi liên tục, con cái của ta càng lớn, hiểu biết của chúng đối với ta khác hơn lúc còn nhỏ, thế là ta phải học đối xử với con cái mình, học để giải quyết tình huống mới mà ta chưa gặp phải.

Đến đây tuổi ta bắt đầu già, nhưng đời sống văn minh xã hội, mỗi năm lại sinh ra vô số điều mới, thế là ta không còn đeo đuổi được nữa. Bây giờ cái biết của ta đã thành cũ, thành xưa, kiến thức của ta bây giờ chỉ còn là kinh nghiệm, chỉ còn cố gắng dựa vào cập nhật cái mới hiện tại. Chưa nói là vô số các môn học khác ngày xưa ta chưa hề có kinh nghiệm, cũng phát triển không ngừng; thành ra sự hiểu biết về kiến thức đời sống văn minh xã hội của ta quả thật ít ỏi quá thật không đáng nói.

Thật sự là như vậy, chỉ trừ một ít trường hợp đặc kỳ trong những lãnh vực hiểu biết có tính đột phá cho nền văn minh nhân loại, thì tên tuổi và kinh nghiệm kiến thức của người đó sẽ được tiếp tục khai triển. Chẳng hạn các nhà khoa học, bác học, và gần như Albert Einstein. Nhưng chính nhà khoa học Albert Einstein cũng tuyên bố rằng, những điều ông hiểu biết chỉ là một hạt sỏi trên biển cả.

Và cho đến ngày nay giờ này, không phải bao lớp người già đi không học được, mà đúng hơn là do hiểu biết của chúng ta có hạn, mà điều muốn biết ở thế gian thì vô hạn. Vậy ta có sống thọ đến ngàn tuổi, trăm ngàn tuổi, cũng không bao giờ học hết được điều ta muốn biết. Tiền nhân có nói càng học, càng thấy mình ngu. Đúng như vậy, vì càng học mới thấy mình càng không biết với bao nhiêu điều chưa học, cho nên đâu thể dám bảo mình biết. Nếu biết thì phải biết tất cả. Tuy nhiên nếu không học, thì cái ngu lại càng tăng!

Thế nhưng có một điều mà ta khó thể biết được, dù ta có học hết kiến thức thế gian cũng vậy. Đó là biết được tâm mình, biết được tâm người.

Biết được tâm mình, tức biết được tâm người, vì con người chỉ là một Thể, một Tướng, một Dụng! Một thể là hiểu biết phân biệt tham sân si, một tướng là hình hài ngũ uẩn thô kệch thân nam thân nữ; và một dụng là hoạt động tạo tác vô số nghiệp trên thế giới thuận theo Thể, Tướng của nó.

Nhưng tại sao xưa nay cũng nhiều người tự biết mình, mà vẫn không biết người? Thật ra xưa nay chưa từng có người biết mình; nếu biết mình thì biết người quá dễ, và nếu có người như vậy, tất nhiên họ đã dạy cho nhân loại phương cách biết mình biết người rồi.

Đến đây chúng ta phải công nhận, tự khi sinh ra đến chết, hoàn mãn một đời người, con người đã biết được bao nhiêu chuyện thế sự, đã có được bao nhiêu kiến thức? Câu trả lời rằng, chúng ta chẳng biết được là bao trong vô số điều chưa biết. Vậy nếu chưa biết vô số điều không biết, mà lại chết đi không biết có trở lại làm người hay không! Hoặc chết sẽ đi về đâu? Nghi vấn như vậy thử hỏi ta có yên tâm, có an lòng cho kiếp sống hiện tại chẳng? Chắc chắn là không!

Thế thì nhân loại xưa nay đã có vô số người sanh ra, rồi chết đi hẳn đã không thể hải lòng, vì còn quá nhiều điều không biết. Như vậy cái biết và không biết của chúng sanh trên hành tinh này, chỉ là đi mãi và quay vòng. Cái biết của quá khứ sẽ được lập lại do thế hệ sau. Thế hệ sau nữa sẽ làm mới cái biết thế hệ vừa qua, và cứ mãi tương lai cái biết mới được khám phá từ những cái biết cũ. Cho đến lúc cái biết bị hủy diệt, thì lớp người còn lại, sẽ khôi phục làm nên cái biết mới như ban đầu.

Thế gian đã như vậy, biết và không biết cứ vô cùng.

Vậy có ai đã tự mình biết hoàn chỉnh, và biết hoàn chỉnh hết thấy mọi người, để không bị kéo lôi với biết và không biết.

Thưa! Chính là Đức Phật.

Đức Phật là người biết mình, biết người một cách tuyệt đối trọn vẹn. Phật tự biết mình.

Không nói chi đến Đấng Toàn Giác, chư Đại Bồ Tát khi vào thai đều biết, khi ra thai vẫn biết, và khi lớn lên đương nhiên cái biết trở thành con đường lập hạnh hoằng dương chánh pháp. Riêng nói về Đức Phật, cả một câu chuyện về đời sống của Ngài, chỉ là một tuồng diễn cho chúng sinh tỉnh thức. Chứ không có việc Ngài phải đợi đến ra khỏi công thành, chứng kiến cảnh khổ rồi mới giác ngộ xuất gia.

Trên đường tìm đạo và thành đạo, Ngài chỉ có khiến người quy phục, chứ chưa ai có thể quy phục Ngài; nhưng Ngài phải phương tiện học hỏi, kết bạn, giao du với đủ hạng người, đó là thể hiện lòng từ bi vô ngã.

Cuối cùng là thành đạo giải thoát, phá hết bóng tối vô minh trong ba cõi, dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Phật biết hết thấy cái biết của chúng sanh, và cái biết không thể nghĩ bàn.

Vì tự chứng đắc, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nên Ngài hoàn toàn khác với chúng sinh trong ba cõi, chứ không phải chỉ cõi người.

Phật biết chúng sanh thế nào?

Phật biết chúng sanh luân hồi! Phật biết luân hồi do ái dục tham, sân, si. Phật biết chúng sinh ai ai cũng muốn hạnh phúc, nhưng hoài công, vì chúng sinh không biết mọi thứ đều vô thường, chúng sanh đều đau khổ, và tất cả cũng đều vô ngã.

Đó là bản chất của thế giới hiện tượng sinh diệt. Sự vô thường đó đã làm cho chúng sinh không bao giờ toại nguyện, cho nên cái biết và không biết sẽ không bao giờ giải quyết được! Nếu giải quyết đạt được cái biết, chỉ là đạt được một phần rất ít, khởi đầu

cho cái khác chưa đạt được. Chúng sinh đều khổ, vì chúng sinh chạy theo cái biết và chưa biết, nên tâm phát khởi đau buồn. Chúng sinh luân hồi đeo đuổi mãi với cái muốn biết những gì không biết, nhưng tuyệt đối sẽ không bao giờ được, bởi vì không có cái gì là thật, để biết và không biết. Tất cả đều vô ngã. Do như vậy mà chúng sinh càng khởi tham, sân, si, thì càng đau khổ.

Đó là điều Phật dạy, đó là bản chất cuộc sống của chúng sinh chưa giác ngộ chưa chứng đạo như Ngài.

Tóm lại thế gian sẽ đẹp hơn, sẽ vui hơn, nếu sống biết mình từ vô thủy luân hồi xưa nay chưa từng giác ngộ, chưa hiểu mọi thứ vô thường, các pháp vô ngã, nên phải đau khổ với cái biết và không biết. Và cuối cùng nếu hiểu được như lời Phật dạy, thì dù có biết hay không biết mọi thứ trên thế gian, ta vẫn vui vẫn sống, vẫn hoạt động, tạo tác nghiệp thiện, mà không phải sống mờ mịt vô minh bám theo các pháp vô thường vô ngã.

Chúc nguyện tất cả chúng sinh trong pháp giới, đều giác ngộ thành Phật trong tương lai.

Nam Mô A Di Đà Phật

Chúc Khâm

Ban Điều Hành và Biên Tập

HT Thích Bảo Lạc - HT Thích Trí Chơn - Thích Phổ Huân - Thích Nguyên Tạng - Minh Đăng
- Lâm Như Tạng - Giai Không - Tâm Huệ - Thích Nữ Giác Anh

Pháp Bảo 86 - Phật Đản 2634, PL 2554

Phát hành ngày 20 tháng 5 năm 2010

148 – 154 Edensor Road, St.Johns Park, NSW 2176 – Australia

Tel: (02) 9610 5452 – Fax (02) 9823 8748 – Email: chuaphapbao@yahoo.com.au